

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Sinh viên : Nguyễn Văn Dũng

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Cao Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ, XÂY
DỰNG VÀ THIẾT BỊ PCCC HƯNG PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Sinh viên : Nguyễn Văn Dũng

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Cao Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Văn Dũng

Mã SV: 1412404003

Lớp: QT1801T

Ngành: Tài chính ngân hàng

Tên đề tài: Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng

TMCP Công Thương – CN Ngô Quyền

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	3
1.1. NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG.....	3
1.1.1. Khái niệm	3
1.1.2. Hoạt động tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	4
1.1.3. Đặc điểm chủ yếu của tín dụng ngân hàng	5
1.1.4. Phân loại tín dụng ngân hàng.....	6
1.1.5. Vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	8
1.2. NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG.....	9
1.2.1. Quan niệm về chất lượng tín dụng ngân hàng	9
1.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.....	11
1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại. 13	
1.2.3.1. Các chỉ tiêu định tính.....	13
1.2.3.2. Các chỉ tiêu định lượng.....	13
1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.....	17
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH NGÔ QUYỀN.....	22
2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG	22
CHI NHÁNH NGÔ QUYỀN	22
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của NHCT chi nhánh Ngô Quyền . 22	
2.1.2. Cơ cấu tổ chức của NHCT chi nhánh Ngô Quyền.....	22
2.1.3. Những hoạt động chủ yếu của NHCT chi nhánh Ngô Quyền.....	23
2.1.4. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.....	24
2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng từ 2015-2017.....	26
2.2. Thực trạng chất lượng tín dụng tại NHCT chi nhánh Ngô Quyền	30

2.2.1. Các chỉ tiêu định tính:.....	30
2.2.2. Các chỉ tiêu định lượng.....	32
2.2.2.1. Doanh số cho vay và doanh số thu nợ	32
2.2.2.2. Dư nợ cho vay	36
2.2.2.3. Chất lượng tín dụng	40
2.3. Những kết quả đạt được và hạn chế về chất lượng tín dụng tại chi nhánh Ngô Quyền	47
2.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân.....	47
2.3.2. Những hạn chế về chất lượng tín dụng và nguyên nhân	48
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG - CN NGÔ QUYỀN.....	54
3.1. Định hướng phát triển của Vietinbank Ngô Quyền từ nay đến 2025.....	54
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng	54
3.2.1. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ tín dụng	54
3.2.2 Thành lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô.....	56
3.2.3. Đa dạng hóa danh mục cho vay và sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm giảm thiểu rủi ro	57
3.3 Các giải pháp hỗ trợ khác	58
3.3.1 Các NHTM cần giúp các DNVVN lập phương án kinh doanh.....	58
3.3.2 Yêu cầu báo cáo tài chính của các DN được kiểm toán và phải có chế tài để đảm bảo tính minh bạch về thông tin tài chính	59
3.3.3 Thành lập công ty thẩm định giá tài sản	59
KẾT LUẬN.....	62

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tổng hợp thu nhập, chi phí, lợi nhuận của NHCT Ngô Quyền	27
Bảng 2.2: Lợi nhuận từ hoạt động tín dụng của NHCT Ngô Quyền	33
Bảng 2.3: Doanh số cho vay - Thu nợ - Dư nợ	38
Bảng 2.4: Tình hình huy động vốn tại NHCT Ngô Quyền :	42
Bảng 2.5: Tổng dư nợ và kết cấu dư nợ theo kì hạn	46
Bảng 2.6: Tình hình dư nợ theo biện pháp đảm bảo	47
Bảng 2.7: Chất lượng dư nợ cho vay	48
Bảng 2.8: Tỷ lệ nợ quá hạn	49
Bảng 2.9: Vòng quay vốn tín dụng của Vietinbank Ngô Quyền	50
Bảng 2.10: Hiệu suất sử dụng vốn của Vietinbank Ngô Quyền	51
Bảng 2.11: Chỉ tiêu thu hồi nợ của Vietinbank Ngô Quyền	52

DANH MỤC VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHNT	Ngân hàng Ngoại thương
NHNN	Ngân hàng nhà nước
TCKT	Tổ chức kinh tế
TCTD	Tổ chức tín dụng
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DS	Doanh số
HSC	Hội sở chính
TDCT	Tín dụng chứng từ
TMQT	Thương mại quốc tế
NHTM	Ngân hàng thương mại
XK	Xuất khẩu
NK	Nhập khẩu
L/C	Letter of Credit _ Tín dụng thư
VMOC	VietinBank Main Operation Center – Trụ sở của Trung tâm Tài trợ thương mại, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
SGD	Sở Giao Dịch

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, năm 2015, Tín dụng ngân hàng, NXB Thống kê

PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, năm 2014, Tiền tệ ngân hàng, NXB Thống kê

PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, TS Hoàng Đức, PGS.TS Trần Huy Hoàng, TS
Trầm Xuân Hương, năm 2015, Tiền tệ ngân hàng, NXB Thống kê

PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, TS Hoàng Đức, PGS.TS Trần Huy Hoàng, TS
Trầm Xuân Hương, Th.S Nguyễn Quốc Anh, năm 2005, Tín dụng ngân hàng,
NXB Thống kê

PGS.TS Nguyễn Đăng Dòn, TS Hoàng Đức, PGS.TS Trần Huy Hoàng, TS
Trầm Xuân Hương, Th.S Nguyễn Quốc Anh, năm 2015, Quản trị ngân hàng,
NXB Lao động xã hội

TS Nguyễn Minh Kiều, năm 2017, Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại, NXB
Thống Kê

PGS.TS Trần Huy Hoàng, năm 2017, Quản Trị Ngân Hàng Thương Mại, NXB
Lao Động Xã Hội

NHNN Việt Nam, quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, quyết định 493/2007/QĐ-
NHNN, quyết định 18/2007/QĐ-NHNN

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đã trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO. Trong một môi trường cạnh tranh gay gắt, mang tính sống còn, đòi hỏi mỗi lĩnh vực phải chuẩn bị cho mình một năng lực cạnh tranh tốt nhất. Ngân hàng là một trong những lĩnh vực được đánh giá là sẽ có sự cạnh tranh gay gắt nhất. Cho đến thời điểm hiện tại, nhiều ngân hàng trong nước đã và đang chuẩn bị sẵn sàng cho những thử thách sắp tới. Sức ép mở cửa dịch vụ tài chính ngân hàng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế buộc các ngân hàng trong nước phải chủ động nâng cao hơn nữa năng lực của mình, đặc biệt là nâng cao chất lượng tín dụng nếu không muốn bị sát nhập hay mua lại hoặc thậm chí phá sản. Trước tình hình đó, ngành ngân hàng nói chung và ngân hàng Công thương (NHCT) chi nhánh Ngô Quyền nói riêng buộc phải nhìn nhận lại quá trình hoạt động của mình để khắc phục những vấn đề còn tồn tại, đặc biệt trong công tác nâng cao chất lượng tín dụng. Đây là vấn đề ngày càng trở nên cấp thiết khi mà thu nhập của các ngân hàng chủ yếu dựa vào hoạt động tín dụng.

Chính vì vậy, việc đưa ra các cách thức, các biện pháp nâng cao chất lượng tín dụng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro tín dụng, đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu và không thể thiếu trong hoạt động của mọi ngân hàng.

Mặt khác, để đứng vững trong cơ chế thị trường, đáp ứng được các đòi hỏi của thị trường, đảm bảo được mục tiêu lợi nhuận thì việc nâng cao chất lượng tín dụng là một vấn đề sống còn của mỗi ngân hàng. Nhận thấy, đây tuy không phải là một vấn đề mới mẻ nhưng lại là một vấn đề quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của mọi ngân hàng, cùng với việc được xem xét, tìm hiểu, quan sát tình hình thực tế tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền trong thời gian thực tập vừa qua, tôi quyết định chọn đề tài: "Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền".

2. Mục đích nghiên cứu

Bài khóa luận tốt nghiệp với mục đích nghiên cứu những cơ sở lý luận về ngân hàng thương mại, chất lượng tín dụng và những tiêu thức chung đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.

Trên cơ sở những lý luận đã nghiên cứu và tình hình thực tế tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền nhằm đưa ra những phân tích, đánh giá chất lượng tín dụng để chỉ ra các kết quả thu được, những tồn tại và nguyên nhân. Từ đó, tôi xin đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng tín dụng tại đơn vị.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động tín dụng và chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền.

Phạm vi nghiên cứu là hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền năm 2015, 2016, 2017.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp phân tích
- Phương pháp so sánh

5. Kết cấu của đề tài

Tên đề tài: "Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền".

Đề tài gồm 3 phần:

Chương 1: Tín dụng ngân hàng và chất lượng tín dụng ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền từ năm 2015 đến năm 2017.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ngô Quyền.

CHƯƠNG 1: TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

1.1.1. Khái niệm

Trong nền kinh tế hàng hoá, trong cùng một thời gian luôn có một số người tạm thời thừa vốn, có vốn tạm thời nhàn rỗi và có nhu cầu cho vay. Bên cạnh đó luôn có một số người tạm thời thiếu vốn, có nhu cầu đi vay. Hiện tượng này làm nảy sinh mối quan hệ kinh tế mà nội dung của nó là vốn được dịch chuyển từ nơi tạm thời thừa sang nơi thiếu với điều kiện hoàn trả vốn và lãi tiền vay là lợi nhuận thu được do sử dụng vốn vay. Đây chính là quan hệ tín dụng.

Như vậy tín dụng là quan hệ vay mượn dựa trên nguyên tắc hoàn trả kèm theo lợi tức, nó để thoả mãn nhu cầu của cả 2 bên, do đó nó là một quan hệ bình đẳng, cả 2 bên cùng có lợi và mang tính thoả thuận lớn.

Tín dụng là một phạm trù kinh tế gắn liền với nền kinh tế hàng hoá, sự ra đời và vận động của tín dụng được bắt nguồn từ đặc điểm của sự chu chuyển vốn tiền tệ và sự cần thiết sinh lợi của vốn tạm thời nhàn rỗi cũng như nhu cầu về vốn nhưng chưa tích lũy được, trong cùng một thời điểm đã hình thành một quan hệ cung cầu về tiền tệ giữa một bên là người thiếu vốn (đi vay) và một bên là người thừa vốn (cho vay).

Tín dụng có nghĩa là sự vay mượn, sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị từ người sở hữu sang người sử dụng và sau một thời gian nhất định được quay trở lại với người sở hữu với một lượng giá trị lớn hơn giá trị ban đầu (số giá trị dôi ra đó chính là lãi trong cho vay) với những điều kiện mà hai bên đã thoả thuận với nhau.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, hoạt động tín dụng không ngừng phát triển và hoàn thiện trở thành hình thức tín dụng ngân hàng. Trong nền kinh tế thị trường, Ngân hàng là trung gian tín dụng giữa tiết kiệm và đầu tư,

giữa người đi vay và người cho vay. Vì vậy, tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là ngân hàng-tổ chức kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ với một bên là người đi vay, vừa là người cho vay.

Sự ra đời của tín dụng Ngân hàng có tác động quyết định đến sự phát triển của quá trình tái sản xuất xã hội, thúc đẩy lực lượng sản xuất góp phần quan trọng trong việc phục hồi và phát triển kinh tế của các nước trên thế giới.

1.1.2. Hoạt động tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường

Trong nền kinh tế hàng hoá tiền là phương tiện thanh toán chủ yếu trong tất cả các mối quan hệ kinh tế, nền kinh tế hàng hoá càng phát triển bao nhiêu thì tốc độ quay vòng của đồng tiền càng nhanh bấy nhiêu, lúc này bản thân mỗi chủ thể kinh tế không thể tự đáp ứng được nhu cầu về vốn của mình mà họ phải dựa vào các chủ thể kinh tế khác đặc biệt là Các tổ chức tín dụng thông qua quan hệ tín dụng mới có thể đáp ứng được nhu cầu vốn của mình. Chính vì thế ta có thể nói cơ sở hình thành và phát triển của quan hệ tín dụng chính là sự tin tưởng và nhu cầu về vốn trong nền kinh tế hàng hoá. Từ cơ sở hình thành đó ta có thể đưa ra một khái niệm chung về quan hệ tín dụng như sau:

Tín dụng là quan hệ vay mượn, sử dụng vốn của lẫn nhau một cách tạm thời và dựa trên nguyên tắc hoàn trả tin tưởng.

Từ khái niệm trên ta có thể thấy tín dụng không phải là quan hệ mua bán, chỉ xảy ra trong thời gian nhất định và phải được xác định trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau. Nói chung đứng trên mỗi góc độ khác nhau người ta sẽ có cách hiểu khác nhau về tín dụng, chính vì thế mà theo Luật các tổ chức tín dụng của Việt nam đã đưa ra định nghĩa về hoạt động tín dụng như sau:

“Hoạt động tín dụng là việc tổ chức tín dụng sử dụng vốn tự có, vốn huy động để cấp tín dụng”. Trong đó cấp tín dụng là việc tổ chức tín dụng thoả thuận để khách hàng sử dụng khoản tiền với nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh Ngân hàng và các nghiệp vụ khác.

Dù đứng trên quan điểm như thế nào chăng nữa thì bản chất hoạt động tín dụng không hề thay đổi: Trong quan hệ tín dụng nguồn cho vay chỉ nhường quyền sử dụng vốn cho người đi vay trong một thời gian nhất định chứ không nhường quyền sở hữu và người đi vay phải hoàn trả lại cho người cho vay khi đến hạn đã thoả thuận. Sự hoàn trả này không chỉ là sự bảo tồn về mặt giá trị mà còn được tăng thêm dưới hình thức lãi suất.

1.1.3. Đặc điểm chủ yếu của tín dụng ngân hàng

Đặc điểm của quan hệ tín dụng

Xuất phát từ cơ sở hình thành cũng như khái niệm về quan hệ tín dụng ta có thể đưa ra một số đặc điểm về quan hệ tín dụng như sau:

Trong quan hệ tín dụng không có sự vận động của quyền sở hữu mà chỉ thay đổi quyền sử dụng trong một thời gian nhất định.

Giá cả trong quan hệ tín dụng chính là lãi suất tín dụng. Người cho vay nhận được thu nhập dưới hình thức lãi suất. Lãi suất là giá cả của quyền sử dụng vốn trong một thời gian nhất định. Giá cả trong quan hệ tín dụng không ngang bằng với giá trị mà giá cả trong quan hệ tín dụng là biểu hiện bằng tiền của giá trị quyền sử dụng vốn trong một thời gian nhất định. Thời gian được xác định trên cơ sở giữa người đi vay và người cho vay. Quan hệ tín dụng được dựa trên yếu tố tin tưởng.

- Chủ thể tham gia là ngân hàng và những khách hàng của ngân hàng.
- Đối tượng tín dụng là tiền tệ nhàn rỗi trong nền kinh tế, do đó có quy mô nguồn vốn rất lớn
- Tính chất luân chuyển là quan hệ chuyển nhượng vốn gián tiếp nên mang đầy đủ những lợi thế và bất lợi của tín dụng gián tiếp
- Thời hạn rất đa dạng (chủ yếu là ngắn hạn), vì ngân hàng cũng là người đi vay, tính chất toàn là nguồn vốn tạm thời.
- Sự vận động và phát triển của tín dụng ngân hàng có thể có sự phù hợp với sự vận động và phát triển nền kinh tế nhưng cũng có thể không.

- Sự tin tưởng trong quan hệ tín dụng ngân hàng là rất quan trọng bởi lẽ sự an toàn trong hoạt động hệ thống ngân hàng không những quyết định sự tồn tại và phát triển của ngân hàng mà có thể gây phản ứng lây lan ra nền kinh tế.

1.1.4. Phân loại tín dụng ngân hàng

Căn cứ vào thời hạn cho vay

Theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số: 47/2010/QH12)

Tín dụng ngắn hạn

Là loại tín dụng có thời hạn tới 12 tháng, được sử dụng để bù đắp sự thiếu hụt vốn lưu động của các doanh nghiệp và các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của cá nhân và thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong dư nợ tín dụng của các ngân hàng.

Tín dụng trung hạn

Là loại tín dụng có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng. Loại hình tín dụng này thường được các doanh nghiệp sử dụng để đầu tư mua sắm tài sản cố định, cải tiến hay đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng các dự án có quy mô nhỏ và thời hạn thu hồi vốn nhanh.

Tín dụng dài hạn

Là loại tín dụng có thời hạn trên 60 tháng. Loại tín dụng này để đáp ứng nhu cầu dài hạn của các doanh nghiệp: nhu xây dựng nhà xưởng, thiết bị phương tiện vận tải có quy mô lớn, các công trình xây dựng nhà, sân bay, cầu đường...

Phân loại tín dụng ngân hàng

Căn cứ vào phương thức cấp tín dụng:

Theo hình thức cấp tín dụng có thể chia thành chiết khấu, cho vay, bảo lãnh và cho thuê...

Cho vay

Là việc ngân hàng đưa tiền cho khách hàng với cam kết khách hàng phải hoàn trả cả gốc và lãi trong thời gian xác định. Cho vay là tài sản lớn nhất trong khoản mục tín dụng. Thời gian khoản vay là khoảng thời gian được tính từ khi

khách hàng nhận hồ sơ vay cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi vốn vay đã được thoả thuận trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng.

Chiết khấu

Là việc ngân hàng ứng trước tiền cho khách hàng tương ứng với giá trị thương phiếu trừ đi phần thu nhập của ngân hàng để sở hữu một thương phiếu chưa đến hạn (hoặc một giấy nợ)

Cho thuê

Là việc ngân hàng bỏ tiền mua tài sản để khách hàng thuê với những thoả thuận nhất định, sau thời gian nhất định khách hàng phải trả cả gốc lẫn lãi cho ngân hàng.

Cho thuê của ngân hàng thường là hình thức tín dụng trung và dài hạn. Thời hạn thuê khách hàng có thể mua lại tài sản đó. Ngân hàng thương mại được hoạt động cho thuê tài chính nhưng phải thành lập công ty cho thuê tài chính riêng. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo nghị định của chính phủ về tổ chức và hoạt động của các công ty cho thuê tài chính.

Bảo lãnh

Là việc ngân hàng cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính hộ khách hàng của mình. Mặc dù không phải xuất tiền ra song ngân hàng đã cho khách hàng sử dụng uy tín của mình để thu lợi.

Ngân hàng thương mại được bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đấu thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Theo quy định chung mức bảo lãnh đối với một khách hàng và tổng mức bảo lãnh của một ngân hàng thương mại không vượt quá tỷ lệ vốn tự có của ngân hàng thương mại.

Căn cứ vào tiêu thức đảm bảo

Tín dụng đảm bảo bằng tài sản

Là loại tín dụng được đảm bảo bằng các loại tài sản của khách hàng, bên bảo lãnh hoặc hình thành từ vốn vay.

Tín dụng đảm bảo không phải bằng tài sản

Là loại tín dụng được đảm bảo dưới các hình thức tín chấp, cho vay theo chỉ định của Chính phủ và hộ nông dân vay vốn được bảo lãnh của các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương.

Căn cứ vào xuất xứ tín dụng

Tín dụng trực tiếp

Ngân hàng cấp tín dụng trực tiếp cho người đi vay đồng thời người đi vay trực tiếp hoàn trả nợ vay cho ngân hàng.

Tín dụng gián tiếp

Là khoản cho vay được thực hiện thông qua việc mua lại các khế ước hoặc các chứng từ nợ đã phát sinh và còn trong thời hạn thanh toán

Căn cứ vào mục đích tín dụng

Cho vay phục vụ sản xuất công thương nghiệp.

Cho vay tiêu dùng

Cho vay bất động sản

Cho vay nông nghiệp

Cho vay kinh doanh xuất nhập khẩu.

Căn cứ vào hình thức hoàn trả nợ

Cho vay trả nợ một lần khi đáo hạn

Cho vay có nhiều kỳ trả nợ hay còn gọi là cho vay trả góp

Cho vay trả nợ từng lần nhưng không có kỳ hạn trả nợ cụ thể, tùy vào khả năng tài chính của người đi vay có thể trả nợ bất cứ lúc nào

1.1.5. Vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường

Vai trò của tín dụng phụ thuộc chủ yếu vào nhận thức và vận dụng quan hệ tín dụng vào xây dựng và quản lý kinh tế của con người. Trước hết tín dụng là công cụ tích tụ và tập trung vốn quan trọng. Thông qua tín dụng các doanh

nghiệp sẽ tăng vốn đầu tư cho sản xuất từ các khoản nhỏ đến các khoản lớn. Như vậy tín dụng góp phần thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất.

Tiếp nữa, tín dụng là công cụ bình quân hoá tỷ suất lợi nhuận giúp các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành có lợi nhuận cao, tăng khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chuyên hướng kinh doanh.

Bên cạnh đó tín dụng là công cụ làm tăng vòng quay của vốn và tiết kiệm tiền mặt trong lưu thông.

Trên đây là những vai trò của tín dụng dưới góc độ tích cực, nếu nhận thức và vận dụng sai lệch nó sẽ dẫn tới những hậu quả tiêu cực.

1.2. NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

1.2.1. Quan niệm về chất lượng tín dụng ngân hàng

Khái niệm về chất lượng tín dụng.

Hoạt động tín dụng là một hoạt động sinh lời chủ yếu của Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, nhưng cũng là nơi chứa đựng nhiều rủi ro nhất. Chính vì thế vấn đề chất lượng tín dụng là vấn đề quan trọng, sống còn đối với tất cả các Ngân hàng. Tuy vậy để đưa ra một khái niệm đúng về chất lượng tín dụng không phải là dễ, bởi lẽ mỗi khái niệm đưa ra đòi hỏi phải chỉ ra nó xuất phát từ đâu trên quan điểm nào. Như ta đã biết mỗi quan điểm khác nhau sẽ có những quan niệm khác nhau về chất lượng tín dụng.

Chất lượng tín dụng theo quan điểm của khách hàng.

Khách hàng là đối tượng sử dụng các dịch vụ của ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ tín dụng vì nó là một nguồn tài trợ quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Mục tiêu của họ là tối đa hoá giá trị tài sản của mình hay nói cụ thể hơn là tối đa hoá giá trị sử dụng của khoản vốn vay. Chính vì thế với khách hàng để đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng cái họ quan tâm đầu tiên là lãi suất, kỳ hạn, quy mô, phương thức giải ngân và phương thức thu nợ của khoản tín dụng mà ngân hàng cung cấp có thoả mãn nhu cầu của họ hay không, làm sao để các thủ tục

được giải quyết một cách nhanh gọn, tiết kiệm thời gian và chi phí hợp lý. Nếu tất cả các yếu tố này đều đáp ứng được nhu cầu của khách hàng thì khoản tín dụng đó được coi là có chất lượng tốt và ngược lại.

Do đó theo quan điểm của khách hàng thì chất lượng tín dụng là: Sự thoả mãn nhu cầu của họ về khoản tín dụng trên các phương diện, lãi suất, quy mô, thời hạn, phương thức giải ngân, phương thức thu nợ...

Chất lượng tín dụng theo quan điểm của ngân hàng.

Cũng như bất cứ một doanh nghiệp nào trong nền kinh tế Ngân hàng cũng phải hoạt động kinh doanh làm sao để đem lại càng nhiều thu nhập cho chủ sở hữu thì càng tốt. Nhưng điều rất khác của Ngân hàng đối với các doanh nghiệp khác là Ngân hàng thương mại là đơn vị kinh tế kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ với 3 nghiệp vụ cơ bản: Nhận gửi, cho vay, cung ứng các dịch vụ thanh toán. Vì thế theo quan điểm của Ngân hàng thì chất lượng tín dụng với các yếu tố cấu thành cơ bản đó là mức độ an toàn của tín dụng và khả năng sinh lời do hoạt động tín dụng mang lại.

Mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận hay mối quan hệ giữa an toàn và khả năng sinh lời là mối quan hệ biện chứng. Mối quan tâm hàng đầu của tất cả các nhà đầu tư là phải cân nhắc giữa mức độ an toàn và khả năng sinh lời. Về nguyên tắc đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận thì mức độ rủi ro của lĩnh vực đầu tư càng cao thì sẽ có khả năng sinh lợi càng cao và ngược lại.

Hơn nữa hoạt động của ngân hàng là hoạt động chứa nhiều rủi ro bởi lẽ số tiền ngân hàng cho vay có tới hơn 50% là nguồn vốn ngoài vốn chủ sở hữu. Vì thế nếu như Ngân hàng không cân nhắc thận trọng thì sẽ lâm vào tình trạng “Mất khả năng thanh toán”.

Đối với Ngân hàng, một khoản tín dụng có khả năng sinh lời cao khi khoản tín dụng đó đến hạn thanh toán thì sẽ hoàn trả đầy đủ vốn gốc và lãi. Do đó theo quan điểm của Ngân hàng chất lượng tín dụng được hiểu là: Chất lượng tín dụng là một thuật ngữ phản ánh mức độ an toàn và khả năng sinh lời của hoạt động tín dụng Ngân hàng.

Chất lượng tín dụng theo quan điểm của xã hội.

Thông qua các khoản tín dụng mà Ngân hàng cung cấp cho các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế, các hoạt động như tái sản xuất mở rộng, đầu tư phát triển theo chiều sâu...sẽ được tiến hành và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Như vậy đứng trên quan điểm của xã hội để đánh giá chất lượng tín dụng thì chất lượng tín dụng là: Sự đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mà các khoản tín dụng của Ngân hàng đem lại.

1.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại

Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng tín dụng.

Ngân hàng là ngành dịch vụ đã có lịch sử tồn tại và phát triển hàng trăm năm. Nó là ngành mang lại cho giới Ngân hàng siêu lợi nhuận song đồng thời nó cũng là ngành chịu nhiều rủi ro. Một trong những rủi ro đáng sợ đối với Ngân hàng là rủi ro tín dụng và nó cũng là một trong những nguyên nhân chính gây ra tình trạng mất khả năng thanh toán của Ngân hàng, bằng chứng là đã xảy ra những cuộc khủng hoảng tài chính trên thế giới... Có thể nói bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới cũng có thể lâm vào tình trạng đó, vì thế vấn đề nâng cao chất lượng tín dụng không chỉ đối là cần thiết đối với Ngân hàng, với khách hàng mà còn đối với toàn xã hội nữa.

Về phía Ngân hàng: Ngân hàng thương mại giống như các nhà kinh doanh: bỏ vốn của mình ra và mong muốn thu được lợi nhuận và thu hồi vốn. Như vậy đảm bảo chất lượng cho các khoản vay và cho vay bản thân nó đối với Ngân hàng đã là một nhu cầu cấp thiết. Đặc biệt đối với các Ngân hàng thương mại ở Việt nam hiện nay không còn là cái bóng của Ngân hàng Trung Ương mà đã và đang dần trở thành một chủ thể kinh doanh độc lập, tự kiếm lợi nhuận lời ăn lỗ chịu, chịu trách nhiệm với khách hàng, với Ngân hàng Trung Ương. Do vậy mà Ngân hàng không thể không cần đến sự an toàn với các khoản vay.

Nền kinh tế nước ta hiện nay đang trong thời kỳ quá độ để chuyển sang một nền kinh tế thị trường. Bản thân mỗi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế chưa thoát khỏi tư tưởng bao cấp, tư duy về nền kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế, do đó việc làm ăn của các doanh nghiệp có nguy cơ dẫn đến rủi ro là rất lớn. Vì thế để nâng cao chất lượng tín dụng Ngân hàng không chỉ là người cung cấp vốn cho các doanh nghiệp mà Ngân hàng còn phải là người hiểu rõ hơn ai hết về lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, có như thế thì Ngân hàng mới mở rộng được các dịch vụ của mình như dịch vụ tư vấn...giúp doanh nghiệp tránh khỏi được những rủi ro không đáng có.

Như vậy, có thể thấy mục tiêu nâng cao chất lượng cho vay là điều kiện tối ưu cần thiết cho mỗi Ngân hàng, nó vừa là yếu tố không những đảm bảo cho Ngân hàng duy trì hoạt động mà còn giúp Ngân hàng phát triển. Nếu đi ngược lại mục tiêu trên, Ngân hàng sẽ đi đến chỗ tự huỷ diệt chính mình.

Về phía nhà đầu tư: Khách hàng của Ngân hàng có hai loại: Người gửi tiền và người vay tiền. Người gửi tiền thì họ quan tâm đến khả năng thanh toán của Ngân hàng mà khả năng thanh toán của Ngân hàng lại có mối quan hệ mật thiết với chất lượng của các khoản tín dụng vì vậy đối với họ nâng cao chất lượng tín dụng là vấn đề cần thiết vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến những khoản tiền gửi của họ vào Ngân hàng. Người vay tiền là người trực tiếp sử dụng giá trị sử dụng của các khoản vốn vay Ngân hàng, mà đối với họ chất lượng tín dụng chính là sự thoả mãn của họ về khoản tín dụng đó. Cuối cùng phải làm sao cho khoản tín dụng đó đem lại lợi nhuận cho họ để họ có thể trang trải chi phí và có lãi. Bởi thế bản thân người vay tiền coi vấn đề chất lượng tín dụng là vấn đề cần thiết và ngày càng phải được nâng cao.

Nếu xét trên quan điểm toàn xã hội thì vấn đề chất lượng tín dụng cũng là vấn đề cần thiết. Bởi một đồng vốn của Ngân hàng cho vay nó là đầu mối trong tất cả các mối quan hệ kinh tế, nếu người sử dụng vốn đó hiệu quả thì cũng đồng nghĩa với việc nó có hiệu quả đối với Ngân hàng và xã hội bởi nó sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đóng góp phát triển các công trình phúc lợi xã hội. Hơn

nữa sự sụp đổ của hệ thống Ngân hàng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế nó có thể làm cho nền kinh tế lâm vào tình trạng suy thoái trầm trọng và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ xã hội. Do đó vấn đề nâng cao chất lượng tín dụng cũng được cả xã hội quan tâm.

1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại

1.2.3.1. Các chỉ tiêu định tính

* Nhóm chỉ tiêu định tính

Nhóm chỉ tiêu này nhằm đánh giá tình hình, quy chế, chế độ, thể lệ tín dụng của Ngân hàng.

Khi cho vay vốn Ngân hàng phải tuân thủ 3 nguyên tắc đó là:

Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích.

Vốn vay phải được đảm bảo bằng giá trị vật tư hàng hoá tương đương.

Vốn vay phải được hoàn trả đủ cả gốc và lãi đúng kỳ hạn cam kết.

Ba nguyên tắc tín dụng trên hình thành một quy luật nội tại của tín dụng. Trên thực tế cho thấy, một khi cả ba nguyên tắc ấy, hoặc một trong ba nguyên tắc ấy bị coi nhẹ, hoặc quá nhấn mạnh nguyên tắc này xem nhẹ nguyên tắc kia sẽ dẫn đến tình trạng khách hàng mất khả năng thanh toán, phá sản, đổ bể một dự án, một doanh nghiệp, một Ngân hàng. Khi nói đến chất lượng tín dụng chúng ta phải xem xét đến chất lượng tuân thủ nghiêm ngặt cả ba nguyên tắc trên.

1.2.3.2. Các chỉ tiêu định lượng

Nhóm chỉ tiêu định lượng.

Ngoài một số chỉ tiêu định tính nêu trên còn có các chỉ tiêu định lượng nhằm đánh giá một cách chính xác nhất về chất lượng tín dụng của Ngân hàng thương mại.

• Tổng dư nợ và kết cấu dư nợ

Tổng dư nợ là một chỉ tiêu phản ánh khối lượng tiền Ngân hàng cấp cho nền kinh tế tại một thời điểm. Tổng dư nợ cho vay có thể được hiểu là hiệu số giữa doanh số cho vay và doanh số thu nợ. Như vậy, chỉ tiêu dư nợ cho vay là

khoản tiền đã giải ngân mà Ngân hàng chưa thu hồi về. Đây là chỉ tiêu không thể thiếu khi nói đến hoạt động tín dụng của một Ngân hàng. Tổng dư nợ thấp chứng tỏ hoạt động của Ngân hàng yếu kém, không có khả năng mở rộng, khả năng tiếp thị của Ngân hàng kém, trình độ cán bộ công nhân viên thấp. Mặc dù vậy, không có nghĩa là chỉ tiêu này càng cao thì chất lượng tín dụng càng cao bởi vì đằng sau những khoản tín dụng đó còn những rủi ro tín dụng mà Ngân hàng phải gánh chịu.

Chỉ tiêu tổng dư nợ phản ánh quy mô tín dụng của Ngân hàng, sự uy tín của Ngân hàng đối với doanh nghiệp. Tổng dư nợ của Ngân hàng khi so sánh với thị phần tín dụng của Ngân hàng trên địa bàn sẽ cho chúng ta biết được dư nợ của Ngân hàng là cao hay thấp. Kết cấu dư nợ phản ánh tỷ trọng của các loại dư nợ trong tổng dư nợ. Phân tích kết cấu dư nợ sẽ giúp Ngân hàng biết được Ngân hàng cần đẩy mạnh cho vay theo loại hình nào để cân đối với thực lực của Ngân hàng. Kết cấu dư nợ khi so với kết cấu nguồn huy động sẽ cho biết rủi ro của loại hình cho vay nào là nhiều nhất.

•Doanh số cho vay, doanh số thu nợ

Doanh số cho vay là chỉ tiêu phản ánh số lượng và quy mô cấp tín dụng của Ngân hàng đối với nền kinh tế. Đây là chỉ tiêu phản ánh chính xác, tuyệt đối về hoạt động cho vay trong một thời gian dài, thấy được khả năng hoạt động tín dụng của Ngân hàng có hiệu quả hay không qua các năm. Doanh số cho vay mang tính thời kì, nó thể hiện quy mô hoạt động tín dụng trong năm của Ngân hàng. Các số liệu sẽ được so sánh với nhau để nhận thấy sự thay đổi giữa các năm, tình hình hoạt động của Ngân hàng tốt hay xấu cũng sẽ thể hiện qua chỉ tiêu này.

Doanh số thu nợ là tổng số tiền mà Ngân hàng đã thu hồi từ các khoản đã giải ngân rong một khoảng thời gian nhất định. Do đó, việc thu nợ được xem là công tác quan trọng trong hoạt động tín dụng góp phần tái đầu tư tín dụng và đẩy nhanh tốc độ luân chuyển trong lưu thông.

❖ Tỷ lệ nợ quá hạn

Tỷ lệ nợ quá hạn = Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ

Nợ quá hạn chính là các khoản nợ đến hạn thanh toán của hợp đồng mà khách hàng đã kí với Ngân hàng thế nhưng khách hàng không thể trả được. Đây là một chỉ tiêu rất quan trọng để đánh giá chất lượng tín dụng của Ngân hàng, nó thể hiện tình hình thu nợ của Ngân hàng, các khó khăn mà Ngân hàng gặp phải trong quá trình hoạt động. Ngân hàng là người cho vay xong cũng lại là người đi vay nên khi khách hàng không thể trả được nợ đúng hạn như cam kết thì khó khăn của Ngân hàng sẽ rất lớn, trong báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng mà tỷ lệ nợ quá hạn quá cao thì gây ảnh hưởng xấu tới uy tín của Ngân hàng, khó khăn hơn trong hoạt động kinh doanh về sau.

❖ Vòng quay vốn tín dụng**Vòng quay vốn tín dụng = Doanh số thu nợ/ Dư nợ bình quân**

Hệ số này phản ánh số vòng chu chuyển của vốn tín dụng. Vòng quay của vốn tín dụng càng cao càng chứng tỏ nguồn vay Ngân hàng luân chuyển càng nhanh, tham gia càng nhiều vào chu kỳ sản xuất và lưu thông hàng hóa. Một đồng vốn khi cho vay được nhiều lần sẽ đem lại nhiều lợi nhuận hơn. Tuy nhiên, cần xét đến yếu tố quan trọng là “Dư nợ bình quân”. Khi dư nợ bình quân thấp sẽ làm cho vòng quay lớn nhưng lại không phản ánh chất lượng khoản tín dụng là cao bởi thực tế nó thể hiện khả năng cho vay kém của Ngân hàng. Đồng thời, nếu tốc độ quay quá nhanh cũng thể hiện cơ cấu tín dụng chưa hợp lí, cần sửa đổi.

❖ Thu nhập từ hoạt động tín dụng**Thu nhập từ hoạt động TD = Lãi từ hoạt động TD/Tổng thu nhập**

Ta thấy rằng nếu Ngân hàng thương mại chỉ chú trọng vào việc giảm và duy trì một tỷ lệ nợ quá hạn thấp mà không tăng được thu nhập từ hoạt động tín dụng thì tỷ lệ nợ quá hạn thấp cũng không có ý nghĩa. Chất lượng tín dụng được nâng cao chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó góp phần nâng cao khả năng sinh lời của Ngân hàng.

❖ Hiệu suất sử dụng vốn

Hiệu suất sử dụng vốn = Tổng dư nợ/ Tổng vốn huy động

Đây là chỉ tiêu phản ánh tương quan giữa nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay trực tiếp khách hàng. Vốn huy động là nguồn vốn có chi phí thấp, ổn định về số dư và kỳ hạn, nên năng lực cho vay của một NHTM thường bị giới hạn bởi năng lực huy động vốn. Chỉ tiêu này càng cao cho ta thấy hoạt động sử dụng vốn (tín dụng) của Ngân hàng càng có hiệu quả.

Tỷ lệ này trên thực tế dao động từ 30% đến 100%. Thông thường vào khoản trên 70% là tốt, còn nếu dưới hoặc trên mức độ đó, thậm chí xấp xỉ 100% có thể gây ảnh hưởng không tốt cho Ngân hàng. Lúc đó tính thanh khoản của Ngân hàng sẽ bị đe dọa do khối lượng dự trữ không đảm bảo. Tuy nhiên, để xác định một tỉ lệ thế nào là phù hợp còn phụ thuộc kết cấu vốn lưu động, lĩnh vực Ngân hàng tập trung tài trợ và nhiều nhân tố khác.

❖ Hệ số rủi ro tín dụng**Hệ số rủi ro tín dụng = Tổng dư nợ / Tổng tài sản có**

Hệ số này cho thấy tỷ trọng của các khoản mục tín dụng trong hoạt động của Ngân hàng, khoản mục tín dụng trong tổng tài sản càng lớn thì lợi nhuận sẽ lớn nhưng đồng thời rủi ro tín dụng cũng rất cao. Thông thường, tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng được chia thành 03 nhóm:

- Nhóm dư nợ của các khoản tín dụng có chất lượng xấu: là những khoản cho vay có mức độ rủi ro lớn nhưng có thể mang lại thu nhập cao cho Ngân hàng. Đây là khoản tín dụng chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng.

- Nhóm dư nợ của các khoản tín dụng có chất lượng trung bình: là những khoản cho vay có mức độ rủi ro có thể chấp nhận được và thu nhập mang lại cho Ngân hàng là vừa phải. Đây là khoản tín dụng chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng.

- Nhóm dư nợ của các khoản tín dụng có chất lượng tốt: là những khoản cho vay có mức độ rủi ro thấp nhưng có thể mang lại thu nhập không cao cho

Ngân hàng. Đây là khoản tín dụng cũng chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng.

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng

Phân tích CLTD trong NHTM là việc sử dụng kết hợp các công cụ và kỹ thuật phân tích nhằm giúp cho các đối tượng quan tâm đánh giá chính xác thực trạng CLTD của NHTM, từ đó có cơ sở đưa ra các quyết định đúng đắn. Tùy theo đối tượng sử dụng mà thông tin do phân tích CLTD cung cấp cũng được quan tâm ở các khía cạnh khác nhau. Hoạt động phân tích CLTD trong NHTM sẽ chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố: đặc điểm hoạt động kinh doanh của ngân hàng, chất lượng nguồn dữ liệu để làm cơ sở phân tích, trình độ và kinh nghiệm của người phân tích, hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho phân tích và các nguồn thông tin bên ngoài.

* Nhân tố khách quan

Môi trường kinh tế xã hội.

Nói đến môi trường kinh tế xã hội là nói đến tổng thể nền kinh tế quốc gia và thế giới. Như ta đã biết mọi thành phần kinh tế đều hoạt động trong xã hội. Vì thế môi trường kinh tế xã hội có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Ngân hàng.

Một nền kinh tế ổn định sẽ dẫn đến một chính sách tín dụng tự do so với một nền kinh tế lệ thuộc vào các biến động thời vụ và chu kỳ. Các khoản ký thác trong nền kinh tế không ổn định thường chao đảo biến động mạnh so với các khoản ký thác trong một nền kinh tế ổn định. Nhiều người vay đã làm ăn phát đạt trong những giai đoạn thịnh vượng nhưng trong giai đoạn suy thoái vốn có thể bị tiêu tan, lợi nhuận có thể bị giảm sút, từ đó có thể gây nên tình trạng Ngân hàng không thu hồi được vốn. Một yếu tố hiển nhiên ảnh hưởng đến chính sách tín dụng của Ngân hàng là đường lối chủ trương của Quốc gia, địa phương. Lý do chủ yếu để Ngân hàng được tồn tại là nhằm phục vụ các nhu cầu tín dụng của cộng đồng xã hội. Về mặt lý luận các Ngân hàng chỉ cho người nào vay nếu đưa

ra được yêu cầu xin vay hợp lệ, hợp pháp và lành mạnh về kinh tế, phù hợp với chủ trương của Nhà nước.

Mức độ phát triển kinh tế của địa phương quy định quy mô và khối lượng đầu tư tín dụng. Nếu đầu tư tín dụng vượt quá khối lượng cần thiết, không phù hợp với sự phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng tín dụng. Nhiều Ngân hàng thương mại do nóng vội mở rộng đầu tư, nâng cao dư nợ, đẩy tỷ lệ tăng trưởng tín dụng vượt quá mức tăng trưởng kinh tế trên địa bàn đều phải trả giá cho sự nóng vội.

Môi trường pháp lý.

Bất kỳ một nền kinh tế nào muốn ổn định và phát triển thì cũng cần có một hành lang pháp lý thích hợp, hành lang pháp lý chính là bàn tay hữu hình của Nhà nước tác động vào nền kinh tế nhằm hướng nền kinh tế phát triển theo đúng mục tiêu, chế độ của mình. Hoạt động Ngân hàng là một trong những hoạt động kinh tế trong tổng thể nền kinh tế vì vậy nó cũng chịu ảnh hưởng của hệ thống Pháp luật nhất là Luật các tổ chức tín dụng. Nói đến môi trường pháp lý là nói đến tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, tính đầy đủ, tính thống nhất của các văn bản dưới luật, đồng thời gắn liền với quá trình chấp hành pháp luật và trình độ dân trí.

Việc hoàn chỉnh cơ chế, thể hiện tín dụng của ngành đúng với Luật Ngân hàng, phù hợp với thực tiễn là một điều quan trọng để nâng cao chất lượng tín dụng.

Hiện nay nước ta có nhiều bộ luật, tuy nhiên vẫn còn có nhiều bất cập chưa sát với thực tế gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế xã hội nói chung và hoạt động tín dụng Ngân hàng nói riêng. Trong điều kiện như vậy việc vận dụng thực thi các bộ luật đã có như thế nào để có thể tạo được hành lang pháp lý đầy đủ cho hoạt động Ngân hàng là vấn đề có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động tín dụng.

Trình độ quản lý, năng lực, chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân vay vốn.

Trong khi các doanh nghiệp trực tiếp sử dụng và quản lý vốn của mình thì Ngân hàng sử dụng vốn của mình dưới hình thức gián tiếp: Đó là giao vốn cho doanh

ng nghiệp không được trực tiếp quản lý vốn của mình mà thông qua hình thức giám sát doanh nghiệp vay vốn. Do vậy, chất lượng tín dụng Ngân hàng chịu nhiều chi phối từ bản thân hoạt động kinh doanh của khách hàng vay vốn.

Chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt hay xấu, tương lai phát triển của doanh nghiệp ở mức nào? Dự án, phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có đủ khả năng tồn tại và phát triển được trong cuộc cạnh tranh quyết liệt của cơ chế thị trường hay không? Điều này có ý nghĩa quyết định cho số phận món vay. Nếu doanh nghiệp kinh doanh trên đà phát triển có hiệu quả thì vốn vay Ngân hàng chắc chắn sẽ được hoàn trả đúng hạn cho Ngân hàng cả gốc và lãi.

Mức độ chuyển biến về nhận thức quan điểm tâm lý của ban lãnh đạo doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường ra sao? Họ có đầy đủ ý thức và trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay hay vẫn mang nặng tư tưởng bao cấp trông chờ nguồn vốn được cấp, được ưu đãi... Trình độ quản trị điều hành ở mức độ nào? Đã đáp ứng được mức độ nào trong điều kiện kinh tế hiện thời. Một doanh nghiệp trở nên hưng thịnh phát triển trong khi một doanh nghiệp khác làm ăn thua lỗ suy sụp. Sự khác biệt này có nguyên nhân xuất phát từ trình độ, chất lượng quản lý.

Như vậy có thể nói việc quản lý sử dụng vốn vay sao cho có hiệu quả, đảm bảo trả nợ Ngân hàng và có lợi nhuận cho doanh nghiệp là điều rất cần thiết đối với các doanh nghiệp. Những doanh nghiệp có trình độ quản lý tốt, năng lực sản xuất kinh doanh tốt, bảo tồn và phát triển vốn vay thì chất lượng đầu tư tín dụng của Ngân hàng sẽ cao và ngược lại.

* Nhân tố chủ quan của Ngân hàng

Năng lực, trình độ hiểu biết của đội ngũ cán bộ của Ngân hàng trong cơ chế thị trường có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng món vay của Ngân hàng.

Chúng ta đứng trước một thực trạng chung là xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới. Xu thế này ngày càng hình thành rõ rệt mà nét nổi bật là nền kinh tế quốc tế thị trường đang trở thành một không gian trung cho tất cả các nước. Các thị

trường tài chính ở phạm vi hoạt động dường như không biên giới, vừa tạo điều kiện có cơ hội mới cho Ngân hàng vừa làm sâu sắc thêm quá trình cạnh tranh, đặt Ngân hàng trước những thách thức mới. Bởi vậy nếu Ngân hàng nào không nhận thức được điều này, không tự đổi mới, tìm cách tạo dựng và phát triển thế mạnh riêng của mình, có hướng đi và chính sách tín dụng thích hợp thì sẽ khó lòng tồn tại và phát triển, trong đó chiến lược con người giữ vai trò chủ đạo.

Thực tế cho thấy rằng, nếu Ngân hàng có đội ngũ cán bộ nhanh, nhạy, sáng tạo trong công việc, có tinh thần tập thể vì lợi ích của Ngân hàng thì Ngân hàng đó có thể đứng vững và phát triển, ngày càng có uy tín. Trong khi đó có những cán bộ tín dụng gian dối trong thẩm định tín dụng của Ngân hàng đánh giá sai tài sản thế chấp, lơ là sự giám sát đối với các doanh nghiệp để Ngân hàng gặp rủi ro.

Bên cạnh đó các yếu tố khách quan như thiên tai, dịch họa, cơ chế chính sách, khách hàng gặp khó khăn dẫn tới thua lỗ... thì bản thân Ngân hàng phải chịu trách nhiệm chính cho hiện tượng chất lượng tín dụng bị giảm. Trong đó vai trò của cán bộ tín dụng có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của các món vay, bởi họ chính là người trực tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đề suất cho vay và theo dõi quản lý thu nợ của khách hàng. Chính vì vậy cán bộ tín dụng là người, nguồn lực quan trọng nhất của các Ngân hàng khi tìm nguyên nhân nợ quá hạn, các khoản vay không thu hồi được.

Như vậy, để có một khoản vay tốt thì cần phải có nhiều điều. Ngoài một báo cáo tài chính vững mạnh cần có đội ngũ cán bộ tín dụng vững về kỹ thuật nghiệp vụ, trực giác nhạy bén sắc sảo. Thông qua việc đào tạo và lựa chọn những cán bộ có năng lực, thiết lập một cơ chế tổ chức thích hợp thì các Ngân hàng bắt đầu một quá trình cải thiện chất lượng tín dụng, giảm thiểu các rủi ro để ngày một nâng cao uy tín của mình trong xã hội.

Tóm tắt chương 1

Trong chương 1, chuyên đề đã trình bày một số vấn đề lí luận chung về tín dụng chính sách:

Sự ra đời và phát triển của NHTM.

Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng chính sách NH.

Tín dụng chính sách: khái niệm, vai trò, các hình thức tín dụng chính sách và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng chính sách

Đây sẽ cơ sở lí luận cần thiết để phân tích thực trạng hoạt động tín dụng chính sách

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH NGÔ QUYỀN

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

CHI NHÁNH NGÔ QUYỀN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của NHCT chi nhánh Ngô Quyền

Ngân hàng Công thương Việt Nam (NHCT) chi nhánh Ngô Quyền được thành lập từ tháng 8 năm 1988, trên cơ sở tách Ngân hàng Nhà nước thành chi nhánh NHCT Ngô Quyền và chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp

Chi nhánh Ngô Quyền là chi nhánh ngân hàng cơ sở trực thuộc chi nhánh NHCT Hải Phòng, đến đầu năm 1993 được nâng cấp thành chi nhánh NHCT khu vực .

Hoạt động trong những năm đầu mới thành lập chủ yếu là huy động vốn và cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp Nhà nước, nay các mặt hoạt động của ngân hàng đã phát triển đa dạng, bao gồm: huy động vốn tiền gửi của các tổ chức kinh tế, huy động vốn tiết kiệm và phát hành kỳ phiếu bằng VND và ngoại tệ đối với mọi thành phần kinh tế, kinh doanh vàng bạc, mua bán ngoại tệ, chi trả kiều hối, thanh toán quốc tế và nghiệp vụ bảo lãnh.

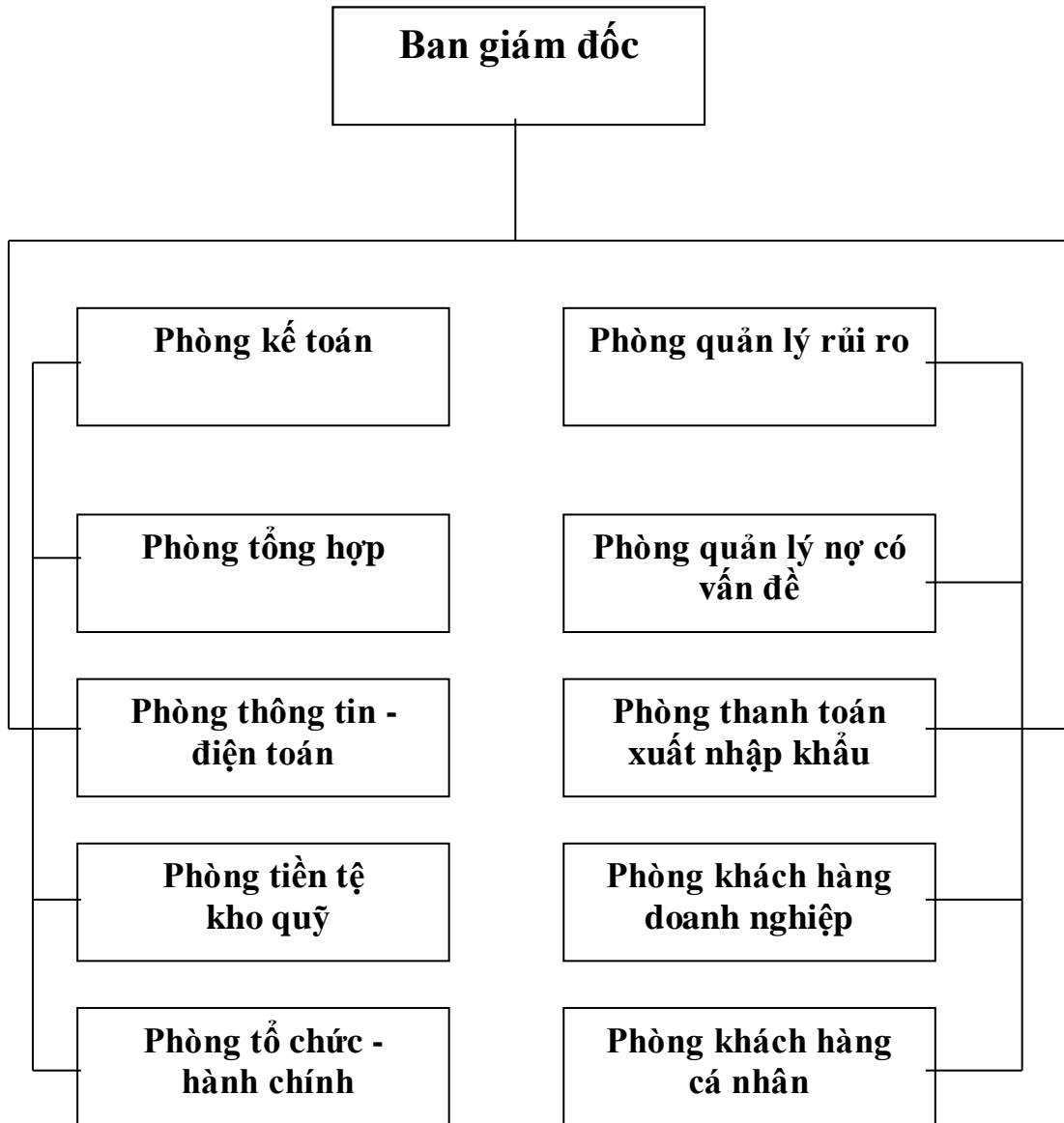
Trong những năm hoạt động, chi nhánh NHCT khu vực Ngô Quyền được sự chỉ đạo của NHCT Việt Nam và chi nhánh NHNN thành phố Hải Phòng, chi nhánh NHCT khu vực Ngô Quyền đã không ngừng đổi mới, năng động sáng tạo và vươn lên hòa nhập với cơ chế đổi mới của ngành, đưa mọi mặt hoạt động của mình ngang tầm với một số chi nhánh lớn của hệ thống NHCT Việt Nam.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của NHCT chi nhánh Ngô Quyền

Chi nhánh NHCT Ngô Quyền , đứng đầu là ban giám đốc bao gồm: Giám đốc và 4 phó Giám đốc, chi nhánh có 10 phòng ban với đội ngũ nhân viên hơn 165 người, trong đó nhiều nhân viên trẻ với nhiệt huyết, năng động và trình độ cao.

Về cơ cấu tổ chức được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của NHCT chi nhánh Ngô Quyền



2.1.3. Những hoạt động chủ yếu của NHCT chi nhánh Ngô Quyền

NHCT Ngô Quyền huy động vốn dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng VND và ngoại tệ từ mọi nguồn trong nước dưới các hình thức chủ yếu sau:

- Nhận tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của tất cả các tổ chức dân cư.

- Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo cơ chế tín dụng hiện hành bằng VND và ngoại tệ đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hộ gia đình và cá nhân.
- Thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh.
- Trực tiếp thực hiện hoặc làm đại lý cho thuê tài chính theo sự ủy nhiệm của Tổng giám đốc hoặc Công ty tài chính NHCT Việt Nam.
- Chiết khấu giấy tờ có giá.
- Mua bán, chuyển đổi ngoại tệ và các dịch vụ ngoại hối.
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán trong và ngoài nước giữa các khách hàng.
- Dịch vụ ngân hàng đại lý, quản lý vốn đầu tư dự án theo yêu cầu.
- Dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng
- Các dịch vụ khác như: dịch vụ rút tiền tự động ATM, Home Banking...

2.1.4. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

Phòng khách hàng doanh nghiệp:

- Thực hiện việc giải ngân vốn vay cho khách hàng vay là tổ chức trên cơ sở hồ sơ giải ngân được duyệt.
- Mở tài khoản tiền gửi cho khách hàng, chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu của khách hàng về tài khoản hiện tại và tài khoản mới.
- Thực hiện tất cả các giao dịch nhận tiền gửi và rút tiền bằng nội, ngoại tệ của khách hàng...

Phòng khách hàng cá nhân: Chịu trách nhiệm xử lý các giao dịch với khách hàng là cá nhân

- Thực hiện việc giải ngân vốn vay trên cơ sở hồ sơ giải ngân được duyệt.

➤ Mở tài khoản tiền gửi, chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu của khách hàng về tài khoản hiện tại và tài khoản mới.

➤ Thực hiện tất cả các giao dịch nhận tiền gửi và rút tiền bằng nội, ngoại tệ của khách hàng...

Phòng kế toán

➤ Thực hiện hạch toán kế toán để phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi hoạt động kinh doanh và các nghiệp vụ phát sinh tại ngân hàng.

➤ Thực hiện báo cáo kế toán đối với các cơ quan quản lý Nhà nước theo chế độ hiện hành và cung cấp số liệu báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban lãnh đạo ngân hàng; trực tiếp thực hiện kinh doanh các dịch vụ ngân hàng như: dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ trả lương...

Phòng quản lý rủi ro:

➤ Quản lý giám sát thực hiện danh mục cho vay, đầu tư đảm bảo tuân thủ các giới hạn tín dụng cho từng khách hàng.

➤ Thẩm định hoặc tái thẩm định khách hàng, dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng.

➤ Thực hiện chức năng đánh giá, quản lý rủi ro trong toàn bộ các hoạt động ngân hàng theo chỉ đạo của NHCT Việt Nam.

Phòng quản lý nợ có vấn đề:

➤ Chịu trách nhiệm về quản lý và xử lý các khoản nợ có vấn đề (bao gồm các khoản nợ: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nợ quá hạn, nợ xấu).

➤ Quản lý, khai thác và xử lý tài sản đảm bảo nợ vay theo quy định của Nhà nước nhằm thu hồi các khoản nợ gốc và lãi tiền vay.

➤ Quản lý, theo dõi và thu hồi các khoản nợ đã được xử lý rủi ro.

Phòng thanh toán xuất nhập khẩu:

➤ Thực hiện nghiệp vụ về thanh toán xuất nhập khẩu theo hạn mức được cấp. (thực hiện các nghiệp vụ phát hành, sửa đổi, thanh toán L/C, nhờ thu liên quan đến xuất nhập khẩu; phát hành, thông báo bảo lãnh trong nước và nước ngoài trong phạm vi được ủy quyền).

- Thực hiện nghiệp vụ về mua bán ngoại tệ.

Phòng tiền tệ kho quỹ:

- Quản lý an toàn kho quỹ (an toàn về tiền mặt VND & ngoại tệ, thẻ trắng thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá, hồ sơ tài sản thế chấp...).
- Thực hiện ứng tiền và thu tiền cho các quỹ tiết kiệm, các điểm giao dịch trong và ngoài quầy ATM theo ủy quyền kịp thời chính xác.
- Thu chi tiền mặt giao dịch có giá trị lớn, thu chi lưu động tại các doanh nghiệp, khách hàng.
- Thực hiện ghi chép theo dõi sổ sách thu chi, xuất nhập kho quỹ đầy đủ, kịp thời.

Phòng tổ chức - hành chính:

Nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức, quản lý cán bộ, tuyển chọn nhân viên, quản lý việc thu chi các quỹ lương, thưởng...và công tác hậu cần của cơ quan.

Phòng thông tin điện toán:

Thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thông tin điện toán tại chi nhánh; bảo trì bảo dưỡng máy tính đảm bảo thông suốt hoạt động của hệ thống mạng, máy tính của chi nhánh.

Phòng tổng hợp:

- Tham mưu cho giám đốc chi nhánh dự kiến kế hoạch kinh doanh, tổng hợp, phân tích đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện báo cáo hoạt động hàng năm của chi nhánh.
- Dự kiến kế hoạch kinh doanh, phân tích tài chính, phân tích đánh giá tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của chi nhánh.

2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng từ 2015-2017

a) Nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ:

Doanh số mua bán các loại ngoại tệ chủ yếu năm 2017:

- Mua đồng USD: 82,9 triệu USD, bán đồng USD 82,4 triệu bằng 115% so với năm 2016.

– Mua đồng Yên Nhật: 978 triệu JPY, bán đồng JPY 978 triệu bằng 145% so với năm 2016.

– Mua bán đồng EUR: 7 triệu EUR.

Ngoài việc kinh doanh ngoại tệ đáp ứng nhu cầu thanh toán xuất nhập khẩu, ngân hàng còn kinh doanh một số loại ngoại tệ khác như Bảng Anh, Đôla Úc... mang lại nhiều lợi nhuận.

b) Nghiệp vụ thanh toán quốc tế:

– Mở được 588 L/C nhập khẩu, thực hiện 92 L/C xuất khẩu.

– Nhờ thu 236 bộ chứng từ.

– Phát hành 396 thư bảo lãnh trong và ngoài nước với giá trị 109 tỷ VND và 2,5 triệu USD.

Bảng 2.1: Tổng hợp thu nhập, chi phí, lợi nhuận của NHCT Ngô Quyền

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016/2015		Năm 2017/2016	
				+/-	%	+/-	%
Tổng thu nhập	242,8	350,585	498,205	107,785	44,39	147,62	42,1
Tổng chi phí	205,377	304,632	422,988	99,255	48,33	118,356	38,85
Lợi nhuận sau trích DPRR	37,423	45,953	75,216	8,53	22,79	29,263	63,68

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của NHCT Ngô Quyền)

Qua bảng số liệu trên, ta thấy kết quả kinh doanh của chi nhánh đã tăng đáng kể trong năm 2017. Nhờ mức tăng trưởng nhanh về huy động vốn, cho vay và các khoản thu dịch vụ phí nên lợi nhuận trong năm 2017 đạt 75,216 tỷ đồng. Tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng của thu nhập nhờ đó mà lợi nhuận của chi nhánh năm 2017 đã tăng 63,8% so với năm 2016 và đạt kết quả tốt hơn năm 2015. Năm 2017, ngân hàng luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kế toán thống kê, đảm bảo tính trung thực, hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ. Nghiệp

vụ kế toán được thực hiện tốt, các giao dịch được xử lý chính xác, nhanh chóng, an toàn không để xảy ra sai sót, nhầm lẫn.

Chất lượng công tác thanh toán bù trừ, điện tử và thanh toán liên ngân hàng tại ngân hàng ngày càng cao, các chứng từ thanh toán điện tử đi, đến đều được thanh toán chính xác kịp thời.

Nguồn vốn kinh doanh chủ yếu của ngân hàng là đi huy động. Ngân hàng phải trả lãi cho người gửi tiền nên việc thu lãi đầy đủ và đúng hạn từ hoạt động cho vay là điều quan trọng. Đây là nguồn để bù đắp chi trả lãi cho khách hàng cũng như mang lại lợi nhuận cho ngân hàng. Để đánh giá một cách toàn diện hơn hiệu quả, chất lượng tín dụng tại NHCT Ngô Quyền, ta đi vào phân tích cụ thể lợi nhuận từ hoạt động tín dụng và mức sinh lời tín dụng của ngân hàng qua các năm 2015 – 2017.

Bảng 2.2: Lợi nhuận từ hoạt động tín dụng của NHCT Ngô Quyền.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016/2015		Năm 2017/2016	
				Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
Tổng lợi nhuận của NH	37,423	45,953	75,216	8,53	22,79	29,263	63,68
Lợi nhuận từ hđtd	35,423	41,953	68,416	6,53	18,43	26,463	63,1
Dư nợ	1648.283	1724.889	1887.11				
Lợi nhuận từ hđtd/Tổng lợi nhuận	94,66%	91,30%	90,96%				
Lợi nhuận từ hđtd/ Dư nợ	2,15%	2,43%	3,63%				

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của NHCT Ngô Quyền)

Từ bảng trên có thể thấy, lợi nhuận của Ngân hàng trong các năm qua liên tục tăng. Năm 2015 là 37,423 tỷ đồng, năm 2016 là 45,953 tỷ đồng (so với năm

2015 đã tăng 8,53 tỷ đồng, tương ứng tăng 22,79%), năm 2017 lợi nhuận của ngân hàng đạt 75,216 tỷ đồng (so với năm 2016 đã tăng 29,263 tỷ đồng, tương ứng tăng 63,68%). Lợi nhuận từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng cũng liên tục tăng cụ thể : năm 2015 đạt 35,423 tỷ đồng, năm 2016 đạt 41,953 tỷ đồng (so với năm 2015 đã tăng 6,53 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,43%) và năm 2017 đạt 68,416 tỷ đồng (so với năm 2016 đã tăng 26,463 tỷ đồng, tương ứng tăng 63,1%). Đây là dấu hiệu tốt của hoạt động tín dụng.

Nguyên nhân là ngân hàng luôn giữ lãi suất cho vay ở mức ổn định. Lãi suất vay ngắn hạn khoảng 0,9%/tháng, lãi suất vay trung - dài hạn khoảng 1%/tháng. Hạn mức tín dụng áp dụng với từng khách hàng phụ thuộc vào nhu cầu khách hàng và khả năng của ngân hàng. Trên cơ sở vay và thẩm định, cán bộ tín dụng tính toán nhu cầu vốn của khách hàng. Riêng với công ty tư nhân, đây là những đơn vị có nhu cầu vốn lớn nhưng giá trị tài sản bảo đảm nhỏ thì việc xác định lượng vốn cho vay dựa vào giá trị tài sản bảo đảm và áp dụng hình thức vay có TSDB với mọi khoản vay. Ngân hàng áp dụng cho vay không có tài sản đảm bảo khi đơn vị đáp ứng đủ các điều kiện sau: Báo cáo tài chính có kiểm toán, hệ số tự tài trợ > 20%, Xếp hạng tín dụng từ BB + trở lên, Lãi ròng trên vốn chủ > 5%, Vốn lưu động ròng dương, ngoài ra còn dựa vào quan hệ của doanh nghiệp với ngân hàng, tiền gửi của doanh nghiệp tại ngân hàng. Những đơn vị được áp dụng vay không có TSDB thường là các doanh nghiệp Nhà nước.

Trên cơ sở xác định giá trị TSDB, ngân hàng xác định mức cho vay có bảo đảm bằng tài sản tối đa không quá 70% giá trị TSDB đã được xác định và ghi trên hợp đồng tín dụng và/ hoặc hợp đồng đảm bảo tiền vay, trừ các trường hợp sau:

Đối với TSDB là kim khí quý, đá quý: mức cho vay tối đa không quá 80% giá trị TSDB đã được xác định và ghi trên hợp đồng tín dụng và/ hoặc hợp đồng bảo đảm.

Đối với TSDB là ngoại tệ bằng tiền mặt, các loại giấy tờ có giá trừ cổ phiếu, sổ dư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, sổ tiết kiệm, mức cho vay so với giá trị TSDB do Giám đốc ngân hàng quyết định trên nguyên tắc giá trị TSDB vào thời điểm nợ vay đến hạn đủ để thanh toán toàn bộ số tiền vay, tiền lãi, các khoản phí khác.

Đối với TSDB là máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải đã qua sử dụng, mức cho vay tối đa không quá 50% giá trị TSDB đã được xác định và ghi trên hợp đồng tín dụng và/ hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Trường hợp ngân hàng áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung với khoản vay mà khách hàng vay đã có đủ điều kiện vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định cho vay hiện hành của NHCT thì mức cho vay không phụ thuộc vào TSDB.

2.2. Thực trạng chất lượng tín dụng tại NHCT chi nhánh Ngô Quyền

2.2.1. Các chỉ tiêu định tính:

➤ **Quy trình tín dụng tại hệ thống NHCT Việt Nam:** bao gồm các bước như sau:

Bước 1: Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ vay vốn từ khách hàng và sao gửi hồ sơ sang phòng quản lý rủi ro:

- Hướng dẫn khách hàng lập các loại hồ sơ vay vốn, bao gồm: hồ sơ khách hàng, hồ sơ khoản vay, hồ sơ bảo đảm tiền vay.
- Tiếp nhận và kiểm tra đầy đủ tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn. Sau đó, lập phiếu giao nhận hồ sơ.
- Sao gửi phòng quản lý rủi ro hồ sơ khách hàng, phương án sản xuất kinh doanh, hồ sơ TSDB (nếu có), các báo cáo tài chính.

Bước 2: Thẩm định các điều kiện tín dụng, lập tờ trình thẩm định, kiểm soát, trình duyệt tờ trình thẩm định.

Căn cứ vào tài liệu do khách hàng cung cấp, thông tin thu thập được trong quá trình kiểm tra thực tế tại đơn vị và các thông tin từ các nguồn khác, cán bộ tín dụng thực hiện:

- Thẩm định khách hàng vay vốn.
- Thẩm định phương án SXKD
- Phân tích ngành
- Dự kiến lợi ích của ngân hàng nếu khoản vay được phê duyệt
- Thẩm định TSBĐ tiền vay
- Xác định phương thức cho vay
- Xác định lãi suất cho vay
- Lập tờ trình thẩm định
- Lãnh đạo phòng khách hàng thực hiện kiểm soát và trình duyệt tờ

trình thẩm định

Bước 3: Thẩm định rủi ro tín dụng độc lập và trình báo cáo kết quả thẩm định rủi ro

Cán bộ quản lý rủi ro lập báo cáo kết quả thẩm định rủi ro.

Lãnh đạo phòng quản lý rủi ro có trách nhiệm kiểm tra rà soát toàn bộ hồ sơ và nội dung báo cáo, yêu cầu cán bộ quản lý rủi ro bổ sung làm rõ, chỉnh sửa các nội dung còn thiếu hoặc các thông tin chưa đầy đủ.

Bước 4: Xét duyệt cho vay

Lãnh đạo phòng khách hàng trình người có thẩm quyền phê duyệt khoản vay. Sau khi khoản vay đã được duyệt, cán bộ tín dụng soạn thảo hợp đồng. Lãnh đạo phòng kiểm duyệt lại hồ sơ tín dụng, hoàn thiện hợp đồng và các giấy tờ có liên quan.

Người có thẩm quyền thực hiện ký kết hợp đồng.

Bước 5: Giải ngân

Bước 6: Kiểm tra, giám sát vốn vay

Bước 7: Thu nợ gốc, lãi, phí và xử lý các phát sinh.

Bước 8: Thanh lý hợp đồng

Bước 9: Giải chấp tài sản

Bước 10: Luân chuyển, kiểm soát, lưu giữ hồ sơ.

2.2.2. Các chỉ tiêu định lượng

2.2.2.1. Doanh số cho vay và doanh số thu nợ

Hoạt động tín dụng là hoạt động truyền thống và trọng tâm mang lại thu nhập chủ yếu cho NHTM, ngân hàng huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau và kinh doanh số vốn đó nhằm thu lợi nhuận.

Sử dụng vốn "an toàn và hiệu quả" là phương châm hoạt động của NHCT Ngô Quyền . Ngân hàng thực hiện đầu tư tín dụng cho mọi thành phần kinh tế, đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và vốn cố định cho khách hàng. Trong những năm qua quan hệ tín dụng của ngân hàng được mở rộng. Việc tập hợp thông tin, đánh giá, phân loại khách hàng được thực hiện thường xuyên đã tạo ra sự gắn bó giữa ngân hàng với khách hàng. Nhờ đó, dư nợ tín dụng luôn tăng trưởng lành mạnh qua các năm.

Bảng 2.3: Doanh số cho vay - Thu nợ - Dư nợ

Đơn vị : tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017
A. Doanh số cho vay	1.647,631	1.662,615	1820
I. Cho vay ngắn hạn	1.367,212	1.403,736	1618.739
1. Cho vay bằng VNĐ	1.018,541	1.128,984	1226.361
2. Cho vay bằng ngoại tệ quy VNĐ	348,671	274,752	392.378
II. Cho vay trung hạn – dài hạn	280,419	258,879	201,261
1. Cho vay bằng VNĐ	280,29	258,395	200,986
2. Cho vay bằng ngoại tệ quy VNĐ	0,129	0,484	0,275
B. Doanh số thu nợ	1.579,176	1.586,009	1657.775
I.Thu nợ ngắn hạn	1.369,381	1.379,021	1446.438
1. Thu nợ bằng VNĐ	1.368,918	1.378,543	1445.465
2. Thu nợ bằng ngoại tệ	0,463	0,478	0,973
II. Thu nợ trung - dài hạn	209,795	206,988	211,337
1. Thu nợ bằng VNĐ	209,769	206,943	211,251

VNĐ			
2. Thu nợ bằng ngoại tệ	0,026	0,045	0,086
C. Dư nợ	1648.283	1724.889	1887.114
I. Dư nợ ngắn hạn	769,395	794,11	966.411
1. Dư nợ bằng VNĐ	569,695	320.136	101.032
2. Dư nợ bằng ngoại tệ	199,7	473.974	865.379
II. Dư nợ trung – dài hạn	878,888	930.779	920.703
1. Dư nợ bằng VNĐ	687,388	738.840	728.575
2. Dư nợ bằng ngoại tệ	191,5	191.939	192.128

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Trong những năm qua quan điểm và định hướng đã xác định của ngân hàng là: tiếp cận để mở rộng cho vay đối với mọi đối tượng khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế, đi đôi với việc kết hợp chặt chẽ giữa củng cố bán hàng truyền thống và đẩy mạnh thu hút các dự án có hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng.

Do chú trọng đến chất lượng tín dụng và hiệu quả tín dụng, coi đó là điều quan trọng nhất, lấy hiệu quả khách hàng làm mục tiêu kinh doanh của mình, trong những năm gần đây hoạt động cho vay đã góp phần lớn vào kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Qua bảng thống kê trên có thể thấy dư nợ cho vay nền kinh tế đến 31/12/2016 đạt 1724.889 tỷ đồng, tăng 76.606 tỷ đồng so với năm 2015 (nếu tính cả giảm dư nợ một số khách hàng sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, dư nợ tăng trên 130 tỷ đồng). Dư nợ bình quân đạt 1800 tỷ đồng.

Năm 2016 tiếp tục thực hiện chỉ đạo của NHCT Việt Nam về nâng cao chất lượng tín dụng. Ngay từ đầu năm, chi nhánh đã xây dựng chiến lược định hướng hoạt động tín dụng và đề ra các giải pháp cụ thể trong điều hành hoạt động tín dụng. Thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá, phân loại khách hàng, nắm bắt thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, năng lực quản lý điều hành của từng khách hàng, đưa ra hội đồng tín dụng xét duyệt hạn mức tín dụng của từng khách hàng vay vốn. Nhờ đó, ngân hàng đã giữ vững và từng bước tăng thị phần đối với ngành hàng, khách hàng có tình hình tài chính sản xuất kinh doanh ổn định, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tình hình tài chính lành mạnh, vay trả sòng phẳng, được xác định là khách hàng chiến lược.

Năm 2016 dư nợ bình quân đạt 1800 tỷ đồng, đạt chỉ tiêu kế hoạch giao và định hướng của chi nhánh, nợ quá hạn không phát sinh, dư nợ luôn nằm trong tầm quản lý và kiểm soát của chi nhánh:

Cho vay ngắn hạn: Dư nợ đạt 794,11 tỷ đồng, tăng so với năm 2015 là 24.715 tỷ đồng, tốc độ tăng 3%, tỷ trọng chiếm 46% trên tổng dư nợ.

Cho vay trung dài hạn: Dư nợ đạt 930.779 tỷ đồng, tăng 51.891 tỷ đồng so với năm 2015, tỷ trọng 54% trên tổng dư nợ.

Dư nợ cho vay nền kinh tế đến cuối năm 2017 đạt 1887.114 tỷ đồng trong đó nợ cho vay VND là 829.607 tỷ đồng, dư nợ cho vay ngoại tệ là 1057.507 tỷ đồng. So với năm 2016, tốc độ tăng 8.59%. Dư nợ bình quân đạt 1820 tỷ đồng.

Năm 2017, ngân hàng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản vay, tuân thủ đúng quy trình tín dụng. Các khoản vay hội tụ đầy đủ các điều kiện tín dụng theo quy định của NHNN và hướng dẫn của NHCT Việt Nam. Do vậy, trong 3 năm 2015, 2016, 2017 chi nhánh không phải chuyển nợ quá hạn một món vay mới nào.

2.2.2.2. Dư nợ cho vay

Thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu dư nợ NHCT Việt Nam giao, chi nhánh kiểm chế tăng trưởng dư nợ nóng, tập trung chú trọng vào chất lượng tín dụng và xử lý nợ tồn đọng. Năm 2017 dư nợ bình quân đạt 1820 tỷ đồng, tuy chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch giao và định hướng của chi nhánh nhưng nợ quá hạn không phát sinh, nợ gia hạn giảm dần, dư nợ luôn nằm trong tầm kiểm soát của chi nhánh. Cơ cấu dư nợ đó có chuyển dịch tích cực, chú trọng mở rộng tín dụng ngắn hạn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có quy mô vừa và nhỏ, các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các hộ tư nhân cá thể, có khả năng cạnh tranh cao, có tài sản bảo đảm, có phương án khả thi.

Dư nợ cho vay trung dài hạn được tập trung đầu tư vào những khách hàng có năng lực tài chính mạnh, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, có khách hàng chiến lược với sức cạnh tranh cao.

Những biến động chính trị và kinh tế trên thế giới đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh đối ngoại và thanh toán quốc tế của NHCT Ngô Quyền. Với những cố gắng, nỗ lực làm tốt chính sách khách hàng, sự vận dụng uyển chuyển và điều hành tốt quy định của NHCT Việt Nam, nên hoạt động kinh doanh đối ngoại đạt được kết quả tốt. Cụ thể:

Công tác huy động vốn

Trong hoạt động kinh doanh của NHTM thì huy động vốn được xem là một trong những khâu trọng yếu. Nghiệp vụ huy động vốn tại ngân hàng được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng như nhận tiền gửi tiết kiệm của các cá nhân, tổ chức với nhiều kỳ hạn: 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng được trả lãi trước hoặc sau. Ngoài ra, ngân hàng còn phát hành kỳ phiếu bằng đồng nội tệ để tăng thêm nguồn vốn dài hạn cho ngân hàng.

Sử dụng nhiều biện pháp huy động vốn, trong những năm qua ngân hàng đã đạt được các kết quả sau:

Bảng 2.4: Tình hình huy động vốn tại NHCT Ngô Quyền:

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2015		Năm 2016			Năm 2017		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	% tăng	Số tiền	Tỷ trọng	% tăng
Tổng vốn huy động	1680.489	100%	1730.968	100%	3%	1890.387	100%	9.21%
1. Theo khách hàng gửi								
- Tổ chức kinh tế	1056.489	62.87%	1080.952	62.45%	2.32%	1091.877	57.76%	1.01%
- Dân cư	624.000	37.13%	650.016	37.55%	4.17%	798.51	42.24%	22.84%
2. Phân theo thời gian								
Không kỳ hạn	662.355	39.41%	640.222	36.99%	-3.34%	620.389	32.82%	-3.10%
Có kỳ hạn	1018.134	60.59%	1090.746	63.01%	7.13%	1270.01	67.18%	16.43%
3. Phân theo đơn vị tiền								
VNĐ	1206.492	71.29%	1269.659	73.35%	5.24%	1288.01	68.13%	1.45%
USD quy ra VNĐ	473.997	28.21%	461.309	26.65%	-2.68%	602.391	31.87%	30.58%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Qua số liệu trên, ta thấy nguồn vốn của ngân hàng tăng trưởng ổn định qua các năm.

Năm 2016 tổng vốn huy động là 1730.968 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2015 và năm 2017 tổng vốn huy động là 1890.387 tỷ đồng, tăng 9.21% so với năm 2016. Nguồn vốn tăng trưởng như vậy là do chi nhánh chuyên hướng hoạt động sang cơ chế thị trường, từ đó chuyển biến nhận thức từ cấp lãnh đạo đến cán bộ công nhân viên về tầm quan trọng của công tác huy động vốn nhân rồi trong dân cư và các tổ chức kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, chi nhánh còn mở thêm các dịch vụ và tăng thời gian giao dịch với khách hàng, đặc biệt là đổi mới tác phong giao dịch, nghiên cứu thị trường, có chính sách lãi suất hợp lý, vận động khách hàng mở tài khoản và tiếp cận khách hàng có nguồn vốn lớn để từng bước dịch chuyển nguồn vốn theo chiều hướng có lợi cho kinh doanh. Nói chung, quy mô hoạt động của ngân hàng đang được mở rộng một cách nhanh chóng phục vụ nhu cầu tăng trưởng của ngân hàng cũng như nhu cầu mở rộng tín dụng của nền kinh tế quốc dân.

Xét theo loại khách hàng, thì tổng vốn huy động bao gồm tiền gửi của dân cư và tiền gửi của các tổ chức kinh tế.

Trước hết phải kể đến nguồn vốn tiền gửi của các tổ chức kinh tế, đó là nguồn tiền gửi chính của ngân hàng, chiếm phần lớn trong tổng vốn huy động. Năm 2015, huy động từ tổ chức kinh tế đạt 1056.489 tỷ đồng chiếm 62.87% trong tổng huy động, đó là một tỷ lệ tương đối cao so với huy động từ dân cư (37.13%). Bởi lẽ, chi nhánh Ngô Quyền đã hoạt động được một thời gian dài nên có qua hệ giao dịch rộng rãi. Các năm 2016, 2017 lượng tiền gửi của các tổ chức kinh tế tiếp tục tăng lần lượt đạt 1080.952 tỷ đồng, 1091.877 tỷ đồng. Sự gia tăng nói trên cho thấy chi nhánh Ngô Quyền rất có uy tín với các tổ chức kinh tế bởi hiệu quả và phong cách làm việc chuyên nghiệp. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của chi nhánh là nâng cao nguồn vốn huy động từ các tổ chức kinh tế, tiếp thị nhiều hơn với các tổ chức kinh tế vì đây là nguồn vốn lớn có tính thanh khoản cao nhưng chi phí lại thấp so với nguồn vốn ổn định được huy động từ dân cư.

So với huy động tiền gửi từ các tổ chức kinh tế thì lượng tiền huy động được từ dân cư khá khiêm tốn. Năm 2015, huy động từ dân cư chiếm 37.13% trong tổng huy động. Đến năm 2016, 2017 tỷ lệ này đã có sự gia tăng tương ứng chiếm 37.55% và 42.24% trong tổng nguồn vốn huy động. Đối với nguồn tiền gửi dân cư: đây là nguồn tiền gửi có tính chất ổn định và lâu dài, nhưng hiện nay tại chi nhánh nguồn vốn này đang mất thị phần do chính sách lãi suất của NHCT Việt Nam trong một thời gian dài chưa sát với thị trường. Tại địa bàn của chi nhánh có rất nhiều NHTM mở chi nhánh và điểm giao dịch mới với lãi suất cạnh tranh hơn, có nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng hấp dẫn, và nhiều hình thức khuyến mại phong phú. Bên cạnh đó, địa điểm của các quỹ tiết kiệm của chi nhánh hầu hết thuê của nhà dân, chưa được khang trang, hiện đại chưa hấp dẫn với nhiều khách hàng.

Nguyên nhân làm tăng các khoản tiền gửi về khách quan là do sự gia tăng thu nhập của khách hàng. Về mặt chủ quan là do chi nhánh Ngô Quyền đã cải tiến lề lối làm việc, đổi mới thái độ tác phong phục vụ, nâng cao uy tín với khách hàng. Với định hướng sáng tạo của ban giám đốc cùng với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, đoàn kết của đội ngũ cán bộ công nhân viên đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo của NHCT Việt Nam, chi nhánh Ngô Quyền đã hoàn thành nghĩa vụ được giao bảo đảm tỷ lệ tăng trưởng trên mọi lĩnh vực.

Nếu xét theo loại ngoại tệ huy động thì huy động bằng VND chiếm tỷ trọng lớn, và có xu hướng tăng theo các năm: năm 2015, nguồn vốn này là 1206.492 tỷ đồng, năm 2016 đạt 1269.659 tỷ đồng (tăng 5.24%) và năm 2017 đạt 1288.01 tỷ đồng (tăng 1.45%). Tiền gửi bằng ngoại tệ tuy không tăng trưởng mạnh như tiền gửi nội tệ nhưng cũng có chuyển biến rất tích cực, đặc biệt là đồng USD. Mặc dù trong năm 2015, tỷ lệ huy động giữa VND và ngoại tệ chênh lệch tương đối (huy động từ VND chiếm 71.29%, huy động từ ngoại tệ chiếm 28.21%). Đến năm sau (năm 2016) tỷ lệ huy động tiền gửi bằng VND và ngoại tệ có chiều hướng thu hẹp lại (huy động từ VND chiếm 73.35%, huy động từ ngoại tệ chiếm 26.65%). Đến năm 2017, do lãi suất của đồng ngoại tệ thấp, còn lãi suất của

VND cao, ổn định vì vậy huy động từ VND vẫn tăng (chiếm 68.13%). Trong vốn huy động của dân cư, VND chiếm 85%, ngoại tệ một khoảng rất nhỏ. Ngoại tệ được huy động chủ yếu từ tổ chức kinh tế.

Nhìn chung, trong 3 năm qua nguồn vốn huy động của ngân hàng tăng trưởng mạnh đồng thời ngân hàng vẫn đảm bảo cân đối vốn, tạo thế chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình. Đây là kết quả thể hiện sự cố gắng của toàn thể ngân hàng do ý thức được tầm quan trọng của vốn huy động, những chiến lược, chính sách thu hút vốn hợp lý, tranh thủ mọi nguồn vốn nhàn rỗi thông qua đa dạng hóa các hình thức và phương thức huy động vốn, đảm bảo tính cạnh tranh cao. Các sản phẩm tài chính của ngân hàng được cụ thể hóa và hướng tới từng đối tượng khách hàng khác nhau. Đối với khách hàng cá nhân, mục đích của họ là hưởng lãi và an toàn, còn đối với khách hàng là doanh nghiệp thì nâng cao tiện ích thanh toán được đặt lên hàng đầu. Mặt khác, cũng phải nói đến trong thời gian qua nền kinh tế của nước ta có tốc độ tăng trưởng khá cao, với tốc độ tăng GDP trên 7% năm đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác huy động vốn của ngân hàng. Trong năm 2017, bên cạnh những nỗ lực phấn đấu của ngân hàng, ngân hàng đã thực hiện các giải pháp như triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo phát triển sản phẩm mới, nâng cao tinh thần phục vụ, mở rộng mạng lưới nhằm tăng tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn.

2.2.2.3. Chất lượng tín dụng

Qua những phân tích ở trên cho thấy hoạt động của ngân hàng khá ổn định, có mức tăng trưởng tín dụng cao, huy động và kinh doanh rất khả quan. Để có được kết quả như vậy, trong thời gian qua ngân hàng đã có những biện pháp đồng bộ, tích cực, dựa vào tốc độ phát triển kinh tế để dự đoán nhu cầu tín dụng cũng như các nhu cầu về sản phẩm tài chính khác của ngân hàng. Việc cấp tín dụng cũng dựa vào quy mô nguồn vốn của ngân hàng, việc xác định doanh số cho vay hàng năm khá cụ thể. Ngân hàng luôn chủ động tìm kiếm, thu hút khách hàng, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, tư vấn cho khách hàng từng hoạt động

kinh doanh của mình. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa ngân hàng không có những rủi ro của mình. Để đánh giá chính xác hơn về hoạt động tín dụng, chúng ta cần tìm hiểu những vấn đề liên quan đến chất lượng tín dụng để có cái nhìn toàn diện và cụ thể hơn về chất lượng tín dụng của ngân hàng

Theo quan điểm của ngân hàng: chất lượng tín dụng được xem xét qua nhiều chỉ tiêu chung như: tổng dư nợ và kết cấu dư nợ, nợ quá hạn, nợ xấu, hiệu suất sử dụng vốn, vòng quay vốn tín dụng, lợi nhuận từ hoạt động tín dụng, Hệ số rủi ro tín dụng...Sau đây là bảng tính toán các chỉ tiêu trên.

❖ **Tổng dư nợ và kết cấu dư nợ**

Bảng 2.5: Tổng dư nợ và kết cấu dư nợ theo kì hạn

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	So sánh năm 2016 với 2015		Năm 2017	So sánh năm 2017 với 2016	
			Số tiền	%		Số tiền	%
Cho vay ngắn hạn	1367.212	1403.736	36.524	2.60%	1618.739	215.003	13.28%
Cho vay trung và dài hạn	280.419	258.879	- 21.540	-8.32%	201.261	-57.618	- 28.63%
Tổng dư nợ cho vay	1647.631	1662.615	14.984	0.90%	1820	157.385	8.65%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Tỷ lệ cho vay trung và dài hạn thấp hơn cho vay ngắn hạn, nhưng nhìn chung tổng dư nợ của Vietinbank Ngô Quyền giai đoạn 2015-2017 đang có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2016 tăng 14.984 tỷ đồng so với năm 2015 tương

ứng 0.90%. Năm 2017 tăng 157.385 tỷ đồng so với năm 2016, tương ứng 8.65%. Trong đó, tỷ lệ cho vay ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế.

Bảng 2.6: Tình hình dư nợ theo biện pháp đảm bảo

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Dư nợ	1648.283	1724.889	1887.114
Dư nợ có đảm bảo	1565.249	1529.606	1533,84
Dư nợ không có đảm bảo	83,034	195.283	53.274
Tỷ lệ dư nợ có đảm bảo(%)	94.96%	88.68%	97.18%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Thực tế trên thế giới, những công ty xếp hạng tín dụng có uy tín đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin có chất lượng cho ngân hàng. Còn ở Việt Nam, thông tin chủ yếu được cung cấp qua Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) của NHNN, qua các mối quan hệ chính thức và phi chính thức của ngân hàng mà nguồn chủ yếu là do chính khách hàng cung cấp. Tuy nhiên, thông tin qua cơ quan chức năng thì không đủ cụ thể và tính cập nhật không cao, trong khi đó thông tin từ khách hàng thì chất lượng không cao vì khách hàng có xu hướng che giấu thông tin sự thật, luôn muốn làm đẹp hồ sơ của mình để thỏa mãn điều kiện vay vốn.

Như vậy, việc áp dụng cho vay không có đảm bảo chỉ áp dụng đối với khách hàng có uy tín, tỷ lệ cho vay không có bảo đảm của Ngân hàng ngày càng tăng chứng tỏ Ngân hàng đã có một lượng khách hàng quen tin cậy không nhỏ. Điều này cũng cho thấy, lượng khách hàng đến giao dịch thành công với ngân hàng chủ yếu là khách hàng đã quen biết. Trong kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh ngân hàng, không chỉ dựa vào khách hàng quen, mà kinh doanh phải hướng tới việc phục vụ được nhiều khách hàng nhất. Bởi việc có tài sản bảo đảm

hay không có tài sản bảo đảm cũng không làm giảm mức độ rủi ro của món vay. Tài sản bảo đảm chỉ là khoản mục có tác dụng bù đắp tổn thất cho ngân hàng khi có rủi ro xảy ra. Do đó, việc xác định chính xác rủi ro của món vay ngay từ đầu mới là quan trọng nhất.

Qua bảng số liệu, ta thấy tỷ lệ dư nợ có tài sản đảm bảo giảm vào năm 2016, tỷ lệ này giảm 95% xuống còn 88.7%. Năm 2017, tỷ lệ này tăng lên 97.2%. Về mặt lượng thì dư nợ có tài sản đảm bảo có giảm chút ít vào năm 2016 mặc dù dư nợ tăng dẫn đến tỷ lệ dư nợ có tài sản bảo đảm giảm. Năm 2017 dư nợ tăng và tỷ lệ này cũng giảm. Điều này có được là do ngân hàng đã mở rộng được đối tượng khách hàng, hướng tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn không phải là khách hàng truyền thống của hệ thống NHCT từ nhiều năm trước.

Tỷ lệ nợ quá hạn

Bảng 2.7: Chất lượng dư nợ cho vay

Đơn vị : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Tổng dư nợ cho vay	1648.283	100%	1.724.889	100%	1887.114	100%
Nợ đủ tiêu chuẩn	1565.210	94.96%	1529.632	88.68%	1833.897	97.18%
Nợ cần chú ý	85.711	5.2%	62.096	3.6%	20.758	1.1%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.813	0.11	48.297	2.8%	24.721	1.31%
Nợ nghi ngờ	0	0%	43.812	2.54%	0	0%
Nợ có khả năng mất vốn	0	0%	41.052	2.38%	7.737	0.41%
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ		5.31%		11.32%		2.82%
Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ		0.11%		7.72%		1.72%

Trước hết xét về tỷ lệ nợ quá hạn :

Bảng 2.8: Tỷ lệ nợ quá hạn

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Dư nợ quá hạn	87.524	196.257	53.216
Dư nợ tín dụng	1648.283	1.724.889	1887.114
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	5.31%	11.32%	2.82%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Nhìn vào bảng tỷ lệ nợ quá hạn trên ta có thể thấy rõ được tình hình nợ quá hạn tại Vietinbank Ngô Quyền trong 3 năm vừa qua. Năm 2015, nợ quá hạn ở mức 87.524 tỷ đồng và tỷ lệ nợ quá hạn/ tổng dư nợ là 5.31%. Năm 2016, dư nợ quá hạn tăng lên 196.257 tỷ đồng (tăng 108.733 tỷ đồng so với năm 2015) nguyên nhân năm 2016 hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ. Trong đó, dư nợ các chương trình tín dụng theo kế hoạch tăng trưởng được Thủ tướng Chính phủ hoàn thành 67% kế hoạch cả năm. Chất lượng hoạt động tín dụng chính sách không ngừng được củng cố, nâng cao. Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh hiện nay chỉ chiếm 0,81% tổng dư nợ, trong đó nợ quá hạn chiếm tỷ lệ 0,42%. Năm trước đã giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn. Vốn tín dụng chính sách góp phần hỗ trợ, đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho hơn ; giúp gần 10.000 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập; xây dựng gần 840.000 công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở nông thôn; xây dựng trên 14.600 căn nhà ở cho hộ nghèo ổn định cuộc sống, hơn 100 căn nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-C

❖ Chỉ tiêu vòng quay vốn tín dụng

Để đánh giá chất lượng tín dụng của Ngân hàng và khả năng quản trị các khoản tín dụng của Ngân hàng ta xem xét chỉ tiêu vòng quay vốn tín dụng trong 3 năm từ năm 2015 đến năm 2017.

Bảng 2.9: Vòng quay vốn tín dụng của Vietinbank Ngô Quyền

Đơn vị : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh số thu nợ	1579.176	1586.009	1657.775
Dư nợ bình quân	1648.283	1724.889	1887.114
Vòng quay vốn tín dụng	0.96	0.92	0.88

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Qua bảng số liệu trên ta thấy vòng quay vốn tín dụng của Vietinbank Ngô Quyền đang giảm. Cụ thể năm 2015 đạt 0,96 vòng, sang năm 2016 đồng vốn của NH quay vòng chậm hơn so với năm 2015 đạt 0.92 vòng. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của Dư nợ bình quân nhanh hơn so với tốc độ tăng của Doanh số thu nợ. Sang năm 2017, đồng vốn của NH tiếp tục quay chậm hơn, đạt 0.88 vòng. Điều này bắt nguồn từ tín dụng ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh số cho vay và cả doanh số thu nợ. Trong định hướng sắp tới, Ngân hàng cần phải quan tâm thu hồi những món nợ đã đến hạn, cần có những giải pháp hữu hiệu để đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn, giúp gia tăng doanh số thu nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn tín dụng, góp phần nâng cao hiệu quả huy động và chất lượng nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng.

❖ **Hiệu suất sử dụng vốn**

Bảng 2.10: Hiệu suất sử dụng vốn của Vietinbank Ngô Quyền

Đơn vị : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng dư nợ	1648.283	1724.889	1887.114
Tổng vốn huy động	1680.489	1730.968	1890.387
Hiệu suất sử dụng vốn TD	98.08%	99.65%	99.83%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Nhìn chung, trong thời gian qua Vietinbank Ngô Quyền đã khai thác triệt để nguồn vốn huy động của mình. Năm 2015, chỉ tiêu này là 98.08% nghĩa là bình quân cứ 100 đồng vốn huy động thì ngân hàng đã cho vay được 98.08 đồng. Năm 2016, hiệu suất sử dụng vốn tín dụng tăng lên 99.65% đến 2017 lại tăng thành 95.91%. Điều này cho thấy nhu cầu vốn vay của khách hàng là khá lớn và Ngân hàng đạt hiệu quả cao trong việc sử dụng tài sản của mình.

Tuy nhiên, Ngân hàng vẫn cần duy trì và mở rộng nhiều hình thức huy động vốn mới để thu hút mạnh hơn nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư, góp phần chống lạm phát thông qua việc giảm bớt lượng tiền mặt trong lưu thông, đầu tư tín dụng đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng cũng như mạng lại lợi nhuận và gia tăng tính tự chủ của Ngân hàng trong hoạt động kinh doanh.

❖ **Thu hồi nợ**

Bảng 2.11: Chỉ tiêu thu hồi nợ của Vietinbank Ngô Quyền

Đơn vị : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh số cho vay	1647.631	1662.615	1820
Doanh số thu nợ	1579.176	1586.009	1657.775
Hệ số thu hồi nợ	0.96	0.95	0.91

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp hàng năm của NHCT Ngô Quyền)

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả tín dụng trong việc thu nợ của Ngân hàng. Nó phản ánh trong 1 thời kì nào đó, với doanh số cho vay nhất định thì Ngân hàng sẽ thu về được bao nhiêu đồng vốn. Nhìn chung hệ số thu nợ của Ngân hàng có biến đổi nhưng theo hướng tích cực. Cụ thể là năm 2015, hệ số thu hồi nợ ở mức 0.96 nghĩa là cứ 100 đồng cho vay sẽ thu về được 96 đồng. Năm 2016, 2017 chỉ số này lần lượt là 0.95 và 0.91.

2.3. Những kết quả đạt được và hạn chế về chất lượng tín dụng tại chi nhánh Ngô Quyền

2.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

Trong những năm qua NHCT chi nhánh Ngô Quyền đã có những thành công đáng khích lệ trong hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng. Cụ thể:

- Thứ nhất: Về quy mô tín dụng của chi nhánh qua những năm qua có tốc độ tăng trưởng rất tốt, đặc biệt là dư nợ đối với các doanh nghiệp quốc doanh tăng tương đối cao. Mà hiện nay xu hướng các doanh nghiệp này phát triển tương đối rộng, nên trong mảng thị trường này ngân hàng đã chứng tỏ hiệu quả hoạt động của mình. Ngân hàng đã dần thay đổi cơ cấu cho vay, tăng dần tỷ trọng cho vay trung và dài hạn đối với các doanh nghiệp này nên lợi nhuận thu được ngày càng tăng.

– Thứ hai: Quy trình tín dụng, quá trình thẩm định đã được thể hiện chặt chẽ, việc đánh giá khách hàng được thực hiện cả về mặt định tính và định lượng để đưa đến kết luận chính xác về năng lực của khách hàng. Các hình thức bảo đảm tín dụng được thực hiện tương đối tốt trong đó có đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay được áp dụng đối với khách hàng có độ tín nhiệm cao, có mối quan hệ thường xuyên với ngân hàng và giá trị khoản vay tương đối lớn. Khi đánh giá tài sản đảm bảo, một mặt ngân hàng căn cứ vào quy định của Nhà nước, mặt khác tham khảo giá cả trên thị trường để đảm bảo việc đánh giá được chính xác.

– Thứ ba: Ngân hàng đã duy trì một danh mục tín dụng với chất lượng cao, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu thấp so với hệ thống NHTM nói chung và hệ thống NHCT nói riêng. Định kỳ ngân hàng tiến hành phân loại nợ nhằm đánh giá đúng các khoản dư nợ mà ngân hàng đầu tư để trích lập dự phòng rủi ro cho phù hợp. Công tác thanh tra, kiểm soát cũng được thực hiện nghiêm túc bằng nhiều hình thức như: kiểm tra trước, trong và sau khi cấp tín dụng, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chéo, kiểm tra của lãnh đạo ngân hàng và cơ sở. Vì vậy, ngân hàng đã phát hiện kịp thời các sai sót trong quá trình cấp tín dụng và có những biện pháp chấn chỉnh, đảm bảo khoản tín dụng an toàn và chất lượng.

– Thứ tư: Ngân hàng thường xuyên tiến hành tập huấn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tín dụng và có một số thay đổi khá hợp lý để nâng cao hiệu quả công việc, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực, trình độ của từng cán bộ nhân viên. Ngân hàng cũng đã thực hiện đa dạng hóa khách hàng và hoạt động cho vay, góp phần phân tán rủi ro, từ đó nâng cao chất lượng tín dụng.

2.3.2. Những hạn chế về chất lượng tín dụng và nguyên nhân

Như đã phân tích ở trên, NHCT Chi nhánh Ngô Quyền là một ngân hàng có chất lượng hoạt động tín dụng tốt (dư nợ tăng nhanh, tỷ lệ nợ quá hạn thấp). Tuy nhiên, hoạt động của ngân hàng vẫn còn một số tồn tại:

Thứ nhất: Năng lực và trình độ của cán bộ tín dụng tuy đã được nâng cao nhưng một số cán bộ nhiều khi chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chất lượng cán bộ tín dụng còn bất cập ở một số mặt như chưa hiểu biết rộng rãi về các lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật vì chủ yếu cán bộ tín dụng tốt nghiệp từ các trường đại học chuyên ngành kinh tế gây khó khăn thiếu sót khi đánh giá phương án kinh tế của khách hàng.

Thứ hai: Ngân hàng nằm trên địa bàn dân cư đông đúc và hoạt động kinh doanh diễn ra sôi nổi nên đã thu hút được nhiều khách hàng song do phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của hàng loạt các ngân hàng khác và việc nắm bắt thông tin về khách hàng, về thị trường chưa nhanh nhạy.

Thứ ba: Trong nhiều trường hợp, khi khách hàng không trả được các khoản nợ vay thì việc phát mại bán đấu giá tài sản thế chấp còn phức tạp. Hệ thống văn bản pháp luật quy định về xử lý tài sản thế chấp, cầm cố chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, chỉ mới hướng dẫn quy định chung chung, chưa cụ thể chi tiết, chưa quy định rõ ràng các cơ quan liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp, cầm cố hoặc thủ tục phát mại rườm rà, kéo dài qua nhiều ban ngành dẫn đến nhiều trường hợp phát mại mà ngân hàng không thu đủ gốc và lãi cho sự biến động giá cả thị trường làm giá trị tài sản giảm xuống thấp hơn nhiều so với lúc định giá thế chấp cho vay. Các cơ quan hữu quan chưa có cách nhìn thấu đáo về hoạt động Ngân hàng nên chưa có sự phối hợp đồng bộ, tích cực cùng với ngân hàng trong việc giải quyết những vấn đề liên quan, cho nên không ít người cho rằng việc cho vay và thu nợ chỉ đơn thuần là việc của ngân hàng.

Thứ tư: Quy mô tín dụng tăng nhanh dẫn đến tình trạng quá tải của cán bộ tín dụng. Số món vay nhiều, thuộc mọi lĩnh vực nên cán bộ ngân hàng khó có thể kiểm soát thường xuyên.

Thứ năm: Vốn cho vay tập trung vào một số doanh nghiệp lớn, dự án lớn, trong một lĩnh vực nên ngân hàng phải đối mặt với rủi ro cao khi các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ hoặc phá sản

Nguyên nhân của những tồn tại trên.

Nguyên nhân từ phía Ngân hàng.

– Từ phía các cán bộ tín dụng:

Cán bộ tín dụng phải là người có kiến thức, có khả năng phân tích thị trường tốt, nắm vững quy luật và thực tiễn cung – cầu vốn tín dụng trong nền kinh tế, có sự hiểu biết khá toàn diện để có thể tư vấn cho khách hàng, có sự nhạy cảm và linh hoạt trong cho vay khách hàng. Việc quản lý rủi ro tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng đòi hỏi phải có những cán bộ tín dụng có đạo đức, trách nhiệm đối với nghề nghiệp. Nếu cán bộ tín dụng có trình độ chuyên môn vững mà tư cách đạo đức kém sẽ dẫn đến khả năng thông đồng với kẻ gian lừa đảo vốn tín dụng của ngân hàng, gây tổn thất cho ngân hàng. Những tồn tại trong chất lượng tín dụng xét từ phía cán bộ tín dụng là do xuất phát từ các nguyên nhân sau đây :

Do trình độ nghiệp vụ của cán bộ tín dụng trẻ còn chưa vững, thiếu kinh nghiệm, đặc biệt là những cán bộ trẻ, chưa nắm bắt được thông tin về mọi hoạt động của khách hàng vay vốn, khả năng điều tra, tìm kiếm thông tin còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc xử lý thông tin còn yếu kém dẫn đến việc thẩm định, phân tích khách hàng vay vốn đạt hiệu quả không cao.

Do một số cán bộ tín dụng không thực hiện đúng quy trình tín dụng. Quy trình tín dụng được coi là kim chỉ nam cho hoạt động tín dụng của bất kỳ cán bộ tín dụng nào. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý tình huống cho vay cụ thể thì các cán bộ tín dụng có thể không thực hiện đầy đủ dẫn đến nguy cơ họ mắc sai lầm là rất lớn, mang lại rủi ro tín dụng cho Ngân hàng. Mặc dù các ngân hàng đều quy định việc cho vay phải thực hiện theo đúng quy định của NHNN nhưng thực ra những quy tắc này đôi khi còn mơ hồ. Chẳng hạn, để được cấp tín dụng thì người đi vay phải có phương án kinh doanh khả thi, nhưng thế nào là khả thi thì lại tùy thuộc vào việc thẩm định và đánh giá của từng cán bộ tín dụng. Dù rằng việc đánh giá dự án, phương án đã có các chỉ tiêu NPV, NFV và IRR nhưng đó chưa phải là tất cả căn cứ để đưa ra quyết định về cho vay. Chính vì thế có

những dự án người này đánh giá là khả thi nhưng người khác thì lại không khả thi. Như vậy vô tình hoặc do thiếu khả quan mà cán bộ tín dụng cấp tín dụng cho các khách hàng có khả năng thanh toán nợ kém.

Do việc kiểm tra, kiểm soát sau cho vay của cán bộ tín dụng không tốt. Hoạt động tín dụng là một hoạt động rất phức tạp và nhạy cảm, không phải cứ thực hiện tốt theo quy trình tín dụng là đã xong mà còn phải theo dõi quá trình sử dụng vốn có đúng mục đích hay không, doanh nghiệp gặp phải những khó khăn gì trong quá trình hoạt động để chủ động đưa ra các giải pháp, sự tư vấn thiết thực.

– Từ phía thông tin tín dụng:

Thông tin về khách hàng là một nguồn thông tin rất quan trọng đối với công tác tín dụng, nguồn thông tin này bao gồm những thông tin về tình hình tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính hàng tháng của doanh nghiệp hoặc thông tin từ các cơ quan ngôn luận khác như báo đài hoặc từ nội bộ ngân hàng, từ Bộ chủ quản. Trong nhiều trường hợp do thiếu thông tin hoặc thông tin sai lệch, thiếu chính xác mà cán bộ tín dụng do chủ quan không kiểm tra chi tiết, cụ thể hoặc kiểm tra sơ sài trong khi khách hàng cố tình che đậy thông tin hoặc đưa thông tin không chính xác dẫn tới nhận định sai lầm về khách hàng và rủi ro xảy ra. Đặc biệt ở nước ta tính chính xác của thông tin do các doanh nghiệp cung cấp là không đảm bảo vì nhiều lý do trong khi đó công tác kiểm tra, kiểm toán doanh nghiệp chưa được chú trọng đúng mức.

Nguyên nhân từ phía khách hàng.

– Do năng lực người đi vay kém.

Năng lực người đi vay yếu kém thể hiện là sự yếu kém trong khâu tổ chức nhân sự, quản lý nội bộ, quản lý và sử dụng vốn cũng như tổ chức mạng lưới phân phối, bán hàng chưa bộc lộ được ưu điểm, thế mạnh...

Những khoản tín dụng được cấp không phải là liều thuốc hữu hiệu cho mọi doanh nghiệp, tác dụng của nó đến đâu lại phụ thuộc vào bản thân người đi vay sử dụng nó như thế nào.

- Do tư cách người đi vay kém.

Đôi khi rủi ro khách hàng gây ra cho ngân hàng không phải bởi trình độ, năng lực khách hàng hạn chế mà do yếu kém về tư cách đạo đức. Mặc dù người vay thường cam kết sẽ trả nợ đúng hạn và đầy đủ theo như những điều khoản trong hợp đồng tín dụng. Song có những khách hàng có ý định lừa đảo nhằm chiếm dụng vốn của Ngân hàng ngay từ đầu. Điều này cũng một phần do cán bộ tín dụng chưa cẩn thận và xem xét một cách thiếu toàn diện tư cách đạo đức của người vay.

- Do doanh nghiệp bán hàng mà chưa thu hồi được vốn.

Đây là một hiện tượng khá phổ biến trong nền kinh tế thị trường do hiện tượng mua – bán chịu.

Tóm tắt chương 2

Trong chương 2 này đã trình bày thực trạng hoạt động tín dụng Vietinbank Ngô Quyền. Có thể nói, chất lượng tín dụng của ngân hàng trong những năm qua tương đối tốt. Điều đó không chỉ thể hiện qua những con số, mà còn được thể hiện bởi việc thực hiện theo quy trình tín dụng, quy định cho vay. Việc giám sát, kiểm tra, quản lý tín dụng luôn được thực hiện một cách thường xuyên, chính xác và kịp thời.

Ngân hàng đạt được kết quả trên là do nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển với tốc độ cao, môi trường kinh tế, xã hội, chính trị ổn định, các chương trình kinh tế trọng điểm các dự án lớn được triển khai mạnh và phát huy hiệu quả, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo NHCT VN và ban giám đốc Ngân hàng nhà nước TP Hải Phòng. Ngân hàng là đơn vị được áp dụng những chương trình, hệ thống phần mềm hiện đại nhất trong toàn hệ thống. Ngân hàng đã thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO 9000 – 2000, đồng thời dự án hiện đại hóa Ngân hàng đã đi vào hoạt động và sự tuân thủ chặt chẽ quy trình nghiệp vụ và lao động đã tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động của ngân hàng.

Một số công ty đã trao hàng nhưng bị đối tác dây dưa hoặc tình hình tài chính khó khăn đột ngột dẫn tới việc không trả được tiền hàng, do vậy người vay cũng không thu hồi kịp số vốn vay nên chậm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

– Do sự thay đổi loại hình sở hữu, loại hình doanh nghiệp.

Ngày nay do xu thế cạnh tranh khốc liệt, Nhà nước ngày càng giảm sự ảnh hưởng, chi phối của mình đến hoạt động của các doanh nghiệp quốc doanh nên việc chuyển đổi doanh nghiệp quốc doanh thành doanh nghiệp cổ phần là một tất yếu. Hiện tượng này đã có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của các doanh nghiệp đó cũng như tới Ngân hàng. Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp quốc doanh gặp phải nhiều khó khăn ảnh hưởng đến khả năng hoặc thời hạn trả nợ cho Ngân hàng của các doanh nghiệp này.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG - CN NGÔ QUYỀN

3.1. Định hướng phát triển của Vietinbank Ngô Quyền từ nay đến 2025

-Tiếp tục tăng trưởng nguồn vốn kinh doanh bằng nhiều hình thức, bằng nhiều mức lãi suất phù hợp.

-Tiếp tục tăng doanh số tín dụng mở rộng tín dụng đối với mọi thành phần kinh tế.

-Giảm tỷ lệ nợ quá hạn. Phân đầu năm 2024 tỷ lệ nợ quá hạn được giảm xuống còn dưới 1%.

-Thực hiện chiến lược khách hàng nhằm xây dựng cơ cấu dư nợ hợp lý.

-Mở rộng nhiều hình thức, hoạt động dịch vụ.

-Xây dựng tác phong kinh doanh mới, tuyển dụng, đào tạo, bố trí hợp lý và nâng cao chất lượng cán bộ nghiệp vụ.

-Đa dạng hoá hoạt động huy động vốn bằng cách mở thêm hình thức huy động tiết kiệm gửi góp, tiết kiệm hưởng lãi bậc thang.

-Đa dạng hoá các hoạt động tín dụng

-Củng cố và kiện toàn mô hình tổ chức theo phương châm gọn nhẹ, linh hoạt và có hiệu quả phù hợp với cơ cấu khách hàng.

-Phải xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu kinh doanh của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường.

Dự tính kết quả của giải pháp: thực hiện giải pháp đó ngân hàng sẽ thu về kết quả như thế nào, chất lượng tín dụng có được cải thiện không, thể hiện qua chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng nào. Phải tính toán chi tiết chỉ tiêu hoặc dự kiến giá trị đạt được của giải pháp

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng

3.2.1. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ tín dụng

Con người là chủ thể cho vay trong quan hệ tín dụng, là người trực tiếp tham gia mọi công việc từ hoạch định chủ trương chính sách, đến việc thẩm định dự án,

xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng vốn vay, thu nợ. Có thể nói mọi đúng sai, thành công hay thất bại của các dự án tín dụng ngoài nguyên nhân khách quan đều chứa đựng yếu tố chủ quan của CBTD. Do tính đặc thù của công tác này là giao lưu rộng với nhiều doanh nghiệp, nhiều thành phần kinh tế, đồng thời luôn phải nắm bắt tình hình kinh tế thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị có quan hệ tín dụng với ngân hàng nên việc lựa chọn CBTD để giao việc hết sức quan trọng. Vì vậy CBTD phải có được các tiêu chuẩn: trung thực, có trình độ hiểu biết kinh tế, tài chính cần thiết và có thâm niên làm công tác nghiệp vụ ngân hàng hay nói cách khác là phải có đủ độ tin cậy.

Thực tế hoạt động của đội ngũ CBTD trong thời gian qua cho thấy đã phải đảm nhận quá nhiều việc từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định dự án đến theo dõi, giám sát và thu nợ nên tất yếu không thể tránh khỏi thiếu sót. Để hoàn thiện đội ngũ CBTD, trong thời gian tới, NHCT cần tiến hành đồng bộ các biện pháp sau:

Cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực lâu dài, có kế hoạch đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chi phí mất 50.000.000 đồng / năm sẽ đảm bảo cán bộ ngân hàng có nghiệp vụ chuyên môn giỏi, đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá công nghệ ngân hàng. Có chính sách hợp lý và xây dựng môi trường văn hoá làm việc phù hợp để ổn định và khai thác được các ưu thế tối đa của nguồn nhân lực. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có tính dài hạn thông qua hình thức đào tạo tại nước ngoài. Tham gia các chương trình đào tạo do các tổ chức quốc tế tổ chức tại Việt Nam, học tập kinh nghiệm quản lý điều hành thông qua các công đồng nước ngoài.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo các hướng sau: Đào tạo và đào tạo lại cán bộ để thực hiện tốt các nghiệp vụ của ngân hàng hiện đại; tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ ngân hàng gắn liền với thu nhập; tuyển dụng nguồn nhân lực trẻ, có trình độ cao, có chính sách sử dụng và khuyến khích thoả đáng nguồn nhân lực có trình độ về làm việc tại các ngân hàng.

3.2.2 Thành lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô

Trong điều kiện hệ thống cung cấp thông tin tín dụng của NHCT đang hoạt động hiệu quả chưa cao, cạnh tranh trong lĩnh vực tín dụng của NHCT ngày càng gay gắt làm TD có nguy cơ tăng cao thì việc NHCT thành lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô là điều cần thiết

Bộ phận này dự kiến chi phí mất 60.000.000 đồng / năm sẽ cập nhật thông tin về tình hình kinh tế, thị trường tiền tệ; trao đổi tham vấn với các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước nhằm giúp ban lãnh đạo NHCT chủ động linh hoạt điều hành hoạt động, ứng phó kịp thời với diễn biến của thị trường và sự điều hành của nhà nước.

Thông tin mà bộ phận này cung cấp sẽ làm định hướng cho hoạt động tín dụng, chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, chiến lược khách hàng và chiến lược đầu tư vốn tín dụng của mình trên cơ sở đó ngân hàng có thể thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng an toàn - hiệu quả - bền vững.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt chú trọng về khả năng thẩm định, phân tích kết quả kinh doanh và tình hình sử dụng vốn vay. Ngân hàng thường xuyên cử cán bộ sang tham quan, học hỏi kinh nghiệm của các ngân hàng khác trong và ngoài nước trên các lĩnh vực có liên quan đến tín dụng. Ngoài những kiến thức về chuyên môn, CBTD cũng phải am hiểu về luật pháp, ngoại ngữ để phục vụ cho công việc của mình, ngân hàng cần tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên được đi học thêm để nâng cao kiến thức, tổ chức nghiên cứu các Nghị định, Quyết định của Chính phủ và văn bản của NHNN.

- Hoàn thiện mô hình tín dụng mới, phân công CBTD quản lý theo ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, quy mô vốn vay nhất định phù hợp với năng lực, trình độ kinh nghiệm của cán bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và hạn chế sai sót trong khâu thẩm định về thị trường, kỹ thuật.

- Cần phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm cũng như chế độ khen thưởng cụ thể đối với CBTD. Điều này một mặt khuyến khích cán bộ nhân viên tích cực

hăng hái làm việc hạn chế tình trạng làm bù, làm ầu hoặc phục vụ mục đích riêng tư.

- Định kỳ tổ chức các cuộc hội thảo tổng kết đánh giá tình hình hoạt động tín dụng, phân tích sai sót cũng như kết quả đạt được của ngân hàng từ đó học hỏi, đúc rút kinh nghiệm cho CBTD, tránh vấp phải những sai lầm không đáng có.

Cần đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ với mục tiêu quan trọng xây dựng được hệ thống tìm kiếm những xu hướng tiềm ẩn tiêu cực, bất ổn và thiếu sót trong hoạt động của ngân hàng để đưa ra biện pháp chấn chỉnh. Để thực hiện được mục tiêu trên, NHCT cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Cán bộ ở bộ phận này cần độc lập với các bộ phận khác, là người có năng lực, kinh nghiệm, và ngân hàng phải thường xuyên cho tham gia bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, có quy định trách nhiệm đối với cán bộ kiểm soát, có chế độ khuyến khích thưởng phạt để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kiểm soát.

- Không ngừng hoàn thiện và đổi mới phương pháp kiểm tra, áp dụng linh hoạt các biện pháp kiểm tra tùy thuộc vào từng thời điểm, từng đối tượng và mục đích của kiểm tra, quá trình kiểm tra thực hiện theo định kỳ hoặc không định kỳ.

- Khi xây dựng chiến lược hoạt động cần phân tích, tính toán các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển của thị trường dịch vụ, thị trường vốn, trong đó có tính đến tình hình quốc tế. Chỉ chấp nhận các loại rủi ro cho phép đối với từng nghiệp vụ sau khi đã phân tích chi tiết trên tất cả các khía cạnh luật pháp và kinh tế.

3.2.3. Đa dạng hóa danh mục cho vay và sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm giảm thiểu rủi ro

Đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp trên thị trường theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thống, phát triển các dịch vụ mới:

- Đối với các dịch vụ truyền thống (dịch vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán...) đây là yếu tố nền tảng không chỉ có ý nghĩa duy trì khách hàng cũ, thu hút khách

hàng mới, mà còn tạo ra thu nhập lớn nhất cho ngân hàng. Vì vậy, NHTM cần phải duy trì và nâng cao chất lượng theo hướng: hoàn thiện quá trình cung cấp dịch vụ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản thủ tục làm cho dịch vụ dễ tiếp cận và hấp dẫn khách hàng. Nâng cao chất lượng tín dụng gắn với tăng trưởng tín dụng; xoá bỏ những ưu đãi trong cơ chế tín dụng nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng; hoàn thiện cơ chế huy động tiết kiệm bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ với lãi suất phù hợp để huy động tối đa vốn nhàn rỗi trong xã hội vào NH; nghiên cứu áp dụng cách phân loại nợ dựa trên cơ sở rủi ro và trích dự phòng rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế để nâng cao uy tín của NH.

- Đối với các dịch vụ mới như chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, thấu chi, các sản phẩm phái sinh... cần phải nâng cao năng lực marketing của các NHTM, giúp các doanh nghiệp và công chúng hiểu biết, tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các dịch vụ ngân hàng; nâng cao tiện ích của các dịch vụ ngân hàng; sử dụng linh hoạt công cụ phòng chống rủi ro gắn với các đảm bảo an toàn trong kinh doanh ngân hàng.

- Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ phù hợp trong từng thời kỳ, nghiên cứu lợi thế và bất lợi của từng dịch vụ, giúp khách hàng sử dụng các dịch vụ ngân hàng một cách hiệu quả nhất.

3.3 Các giải pháp hỗ trợ khác

3.3.1 Các NHTM cần giúp các DNVVN lập phương án kinh doanh

Hầu hết các doanh nghiệp của ở Bình Phước chưa biết cách lập kế hoạch cũng như triển khai dự án một cách tốt nhất, điều này gây khó khăn cho DN trong việc tiếp cận nguồn vốn vay của NHTM, để nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu này cán bộ ngân hàng giúp doanh nghiệp lập phương án kinh doanh ngay từ đầu, tránh trường hợp doanh nghiệp lập xong phương án rồi (nhưng vẫn còn sai sót), sau đó chờ ngân hàng thẩm định, sẽ gây mất thời gian.

3.3.2 Yêu cầu báo cáo tài chính của các DN được kiểm toán và phải có chế tài để đảm bảo tính minh bạch về thông tin tài chính

Nhằm tránh tình trạng các DN có nhiều báo cáo tài chính khác nhau trong một niên độ kế toán, các NHTM yêu cầu các DN muốn vay tiền ngân

hàng cần cung cấp báo cáo kiểm toán do các công ty kiểm toán độc lập thực hiện. Ngoài ra, để số liệu trên báo cáo tài chính trung thực cần có biện pháp chế tài đối với DN cố ý gian lận, khai báo không đúng sự thật.

3.3.3 Thành lập công ty thẩm định giá tài sản

Việc ngân hàng tự thẩm định và đánh giá tài sản thế chấp là không khách quan, thiệt thòi cho khách hàng và do còn hạn chế về nhân lực, kinh nghiệm, trình độ nên công tác thẩm định giá của ngân hàng trên địa bàn tỉnh còn khó khăn. Do đó, Ngân hàng cần phải thành lập những công ty thẩm định giá độc lập để đánh giá giá trị tài sản thế chấp. Công ty thẩm định giá với khả năng chuyên môn sâu sẽ giúp cho các NHTM có thông tin thẩm định giá một cách nhanh chóng, thuận tiện, chính xác. Điều này giúp các NHTM giảm chi phí trong việc thành lập bộ phận thẩm định giá và đồng thời ngăn chặn tiêu cực của cán bộ tín dụng (nếu có). Mặt khác, công ty thẩm định giá hoàn toàn chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp cho NHTM, điều này có nghĩa là NHTM đã chia sẻ rủi ro tín dụng với công ty thẩm định giá tài sản.

Tóm tắt chương 3

Căn cứ vào tín dụng Vietinbank Ngô Quyền em đã định hướng phát triển của Vietinbank Ngô Quyền từ nay đến 2025, Tiếp tục tăng trưởng nguồn vốn kinh doanh bằng nhiều hình thức, bằng nhiều mức lãi suất phù hợp.

-Tiếp tục tăng doanh số tín dụng mở rộng tín dụng đối với mọi thành phần kinh tế.

-Giảm tỷ lệ nợ quá hạn. Phần đầu năm 2024 tỷ lệ nợ quá hạn được giảm xuống còn dưới 1%.

Em cũng đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ tín dụng. Con người là chủ thể cho vay trong quan hệ tín dụng, là người trực tiếp tham gia mọi công việc từ hoạch định chủ trương chính sách, đến việc thẩm định dự án, xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng vốn vay, thu nợ. Có thể nói mọi đúng sai, thành công hay thất bại của các dự án tín dụng ngoài nguyên nhân khách quan đều chứa đựng yếu tố chủ quan của CBTD. Do tính đặc thù của công tác này là giao lưu rộng với nhiều doanh nghiệp, nhiều thành phần kinh tế, đồng thời luôn phải nắm bắt tình hình kinh tế thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh của các

Thành lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô. Trong điều kiện hệ thống cung cấp thông tin tín dụng của NHCT đang hoạt động hiệu quả chưa cao, cạnh tranh trong lĩnh vực tín dụng của NHCT ngày càng gay gắt làm TD có nguy cơ tăng cao thì việc NHCT thành lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô là điều cần thiết

Đa dạng hóa danh mục cho vay và sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm giảm thiểu rủi ro. Đối với các dịch vụ truyền thống (dịch vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán...) đây là yếu tố nền tảng không chỉ có ý nghĩa duy trì khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới, mà còn tạo ra thu nhập lớn nhất cho ngân hàng. Vì vậy, NHTM cần phải duy trì và nâng cao chất lượng theo hướng: hoàn thiện quá trình cung cấp dịch vụ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản thủ tục làm cho dịch vụ dễ tiếp cận và hấp dẫn khách hàng. Nâng cao chất lượng tín dụng gắn

với tăng trưởng tín dụng; xoá bỏ những ưu đãi trong cơ chế tín dụng nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng; hoàn thiện cơ chế huy động tiết kiệm bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ với lãi suất phù hợp để huy động tối đa vốn nhàn rỗi trong xã hội vào NH; nghiên cứu áp dụng cách phân loại nợ dựa trên cơ sở rủi ro và trích dự phòng rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế để nâng cao uy tín của NH.

- Đối với các dịch vụ mới như chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, thấu chi, các sản phẩm phái sinh... cần phải nâng cao năng lực marketing của các NHTM, giúp các doanh nghiệp và công chúng hiểu biết, tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các dịch vụ ngân hàng; nâng cao tiện ích của các dịch vụ ngân hàng; sử dụng linh hoạt công cụ phòng chống rủi ro gắn với các đảm bảo an toàn trong kinh doanh ngân hàng.

- Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ phù hợp trong từng thời kỳ, nghiên cứu lợi thế và bất lợi của từng dịch vụ, giúp khách hàng sử dụng các dịch vụ ngân hàng một cách hiệu quả nhất.

KẾT LUẬN

Hoạt động tín dụng hiện tại là hoạt động đem lại lợi nhuận chính cho các NHTM. Ngoài ra, nó còn đóng góp vào quá trình thực thi, bình ổn chính sách tiền tệ của NHNN, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Trong thời gian qua, khi Việt Nam gia nhập WTO, nền kinh tế thị trường nói chung và ngành ngân hàng nói riêng có những tăng trưởng, cạnh tranh và biến động mạnh mẽ hơn. Thực tế hoạt động tín dụng của NHCT Ngô Quyền trong thời gian qua tăng trưởng tương đối cao nhưng vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế, đó là hiệu quả hoạt động tăng chưa cao, rủi ro tín dụng còn cao được thể hiện ở tỷ lệ nợ quá hạn còn quá cao. Việc tìm ra các giải pháp để hạn chế TD luôn là vấn đề rất quan trọng của NHCT

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, luận văn đã trình bày được những vấn đề sau:

- Trình bày cơ sở lý luận về tín dụng NHCT, phương pháp lượng hóa và đánh giá TD, kinh nghiệm quản lý TD của một số nước và bài học cho Việt Nam.
- Trình bày và phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của NHCT trên địa bàn Ngô Quyền. Từ đó, nêu những mặt đạt được và những hạn chế còn tồn tại và chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó.
- Trên cơ sở phân tích thực trạng đó, đưa ra một số gợi ý, giải pháp cơ bản nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại các NHTM trên địa bàn NHCT. Các gợi ý, giải pháp đề xuất trong luận văn dựa trên cơ sở lý luận cũng như tính thực tiễn trong hoạt động tín dụng tại NHCT Quận Ngô Quyền và thông qua việc tham khảo những tài liệu, tạp chí liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, do còn hạn chế về trình độ và thời gian nên luận văn không tránh khỏi một số thiếu sót nhất định. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến của Quý thầy, cô và bạn bè để luận văn được hoàn chỉnh hơn.

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Văn Dũng